BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
ĐỂ ĐƯỢC XÉT CẤP HỌC BỔNG KKHT HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2017-2018 (CƠ SỞ ĐÀO TẠO HÀ NỘI)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-HV ngày /12/2018 của Giám đốc Học viện)

Thứ tự		Hệ	Ngành	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm TBCHT	Xếp loại RL	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	Loại HB KKHT	Học bổng (đ/kỳ)	Ghi chú
Ngành Công nghệ thông tin														
1	1	ĐH	CNTT	B16DCCN059	Đào Quốc	Đạt	D16CQCN03-B	3.68	X.sắc	0.30	**3.98**	Xuất sắc	6,525,000	
2	2	ĐH	CNTT	B16DCCN255	Nguyễn Trung	Ngôn	D16CQCN07-B	3.87	X.sắc	0.10	**3.97**	Xuất sắc	6,525,000	
3	3	ĐH	CNTT	B16DCCN275	Nguyễn Thị Minh	Phương	D16CQCN03-B	3.85	X.sắc	0.10	**3.95**	Xuất sắc	6,525,000	
4	4	ĐH	CNTT	B15DCCN261	Hoàng Minh	Hưng	D15CQCN08-B	3.85	X.sắc		**3.85**	Xuất sắc	6,525,000	
5	5	ĐH	CNTT	B17DCCN411	Đào Hoàng	Mai	D17CQCN03-B	3.75	X.sắc	0.10	**3.85**	Xuất sắc	6,525,000	
6	6	ĐH	CNTT	B15DCCN478	Nguyễn Đình	Tài	D15CQCN05-B	3.81	X.sắc		**3.81**	Xuất sắc	6,525,000	
7	7	ĐH	CNTT	B15DCCN519	Nguyễn Tuấn	Thành	D15CQCN02-B	3.69	X.sắc	0.10	**3.79**	Xuất sắc	6,525,000	
8	8	ĐH	CNTT	B15DCCN160	Hà Văn	Dương	D15CQCN06-B	3.79	X.sắc		**3.79**	Xuất sắc	6,525,000	
9	9	ĐH	CNTT	B16DCCN150	Nguyễn Văn	Hiệu	E16CN	3.79	X.sắc		**3.79**	Xuất sắc	6,525,000	
10	10	ĐH	CNTT	B15DCCN608	Nguyễn Minh	Tuấn	D15CQCN03-B	3.76	Tốt		**3.76**	Giỏi	5,220,000	
11	11	ĐH	CNTT	B17DCCN694	Nguyễn Đình	Vũ	D17CQCN10-B	3.55	X.sắc	0.20	**3.75**	Xuất sắc	6,525,000	
12	12	ĐH	CNTT	B15DCCN042	Nguyễn Việt	Anh	E15CQCN01-B	3.62	X.sắc	0.10	**3.72**	Xuất sắc	6,525,000	
13	13	ĐH	CNTT	B15DCCN506	Phan Đức	Thanh	D15CQCN11-B	3.69	X.sắc		**3.69**	Xuất sắc	6,525,000	
14	14	ĐH	CNTT	B16DCCN218	Bùi Thị	Lụa	D16CQCN02-B	3.69	X.sắc		**3.69**	Xuất sắc	6,525,000	
15	15	ĐH	CNTT	B16DCCN013	Nguyễn Việt	Anh	D16CQCN05-B	3.68	X.sắc		**3.68**	Xuất sắc	6,525,000	
16	16	ĐH	CNTT	B17DCCN240	Nguyễn Văn	Hiếu	D17CQCN12-B	3.68	Tốt		**3.68**	Giỏi	5,220,000	
17	17	ĐH	CNTT	B15DCCN207	Hoàng Văn	Hiệp	D15CQCN09-B	3.53	X.sắc	0.15	**3.68**	Xuất sắc	6,525,000	
18	18	ĐH	CNTT	B15DCCN266	Nguyễn Thu	Hương	D15CQCN02-B	3.66	X.sắc		**3.66**	Xuất sắc	6,525,000	
19	19	ĐH	CNTT	B17DCCN395	Nguyễn Hữu	Long	D17CQCN11-B	3.65	X.sắc		**3.65**	Xuất sắc	6,525,000	
20	20	ĐH	CNTT	B15DCCN194	Nguyễn Thị	Hằng	D15CQCN07-B	3.64	X.sắc		**3.64**	Xuất sắc	6,525,000	
21	21	ĐH	CNTT	B15DCCN337	Trần Thị Tuyết	Mai	D15CQCN07-B	3.64	X.sắc		**3.64**	Xuất sắc	6,525,000	
22	22	ĐH	CNTT	B17DCCN574	Lê Thị Ngọc	Thảo	D17CQCN10-B	3.64	X.sắc		**3.64**	Xuất sắc	6,525,000	
23	23	ĐH	CNTT	B14DCCN403	Lê Ngọc	Giang	D14HTTT2	3.63	Tốt		**3.63**	Giỏi	5,220,000	
24	24	ĐH	CNTT	B15DCCN599	Bùi Văn	Tụ	D15CQCN05-B	3.63	X.sắc		**3.63**	Xuất sắc	6,525,000	
25	25	ĐH	CNTT	B15DCCN416	Nguyễn Thị	Phương	D15CQCN09-B	3.53	X.sắc	0.10	**3.63**	Xuất sắc	6,525,000	

Thứ tự		Hệ	Ngành	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm TBCHT	Xếp loại RL	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	Loại HB KKHT	Học bổng (đ/kỳ)	Ghi chú
26	26	ĐH	CNTT	B15DCCN308	Tạ Tài	Linh	D15CQCN11-B	3.63	X.sắc		**3.63**	Xuất sắc	6,525,000	
27	27	ĐH	CNTT	B16DCCN239	Nguyễn Văn	Nam	D16CQCN07-B	3.53	X.sắc	0.10	**3.63**	Xuất sắc	6,525,000	
28	28	ĐH	CNTT	B17DCCN273	Nguyễn Thị	Hồng	D17CQCN09-B	3.52	X.sắc	0.10	**3.62**	Xuất sắc	6,525,000	
29	29	ĐH	CNTT	B15DCCN217	Nguyễn Minh	Hiếu	E15CQCN01-B	3.62	X.sắc		**3.62**	Xuất sắc	6,525,000	
30	30	ĐH	CNTT	B16DCCN159	Phạm Ngọc	Hoàng	D16CQCN07-B	3.61	X.sắc		**3.61**	Xuất sắc	6,525,000	
31	31	ĐH	CNTT	B17DCCN002	Nguyễn Thế	An	D17CQCN02-B	3.61	X.sắc		**3.61**	Xuất sắc	6,525,000	
32	32	ĐH	CNTT	B14DCCN257	Trịnh Quỳnh	Anh	D14HTTT1	3.60	X.sắc		**3.60**	Xuất sắc	6,525,000	
33	33	ĐH	CNTT	B14DCCN742	Trịnh Thị	Giang	D14HTTT4	3.60	X.sắc		**3.60**	Xuất sắc	6,525,000	
34	34	ĐH	CNTT	B15DCCN267	Trần Thị Xuân	Hương	D15CQCN03-B	3.60	X.sắc		**3.60**	Xuất sắc	6,525,000	
35	35	ĐH	CNTT	B16DCCN404	Hoàng Thị Thu	Uyên	D16CQCN04-B	3.50	X.sắc	0.10	**3.60**	Xuất sắc	6,525,000	
36	36	ĐH	CNTT	B17DCCN616	Lê Thùy	Trang	D17CQCN04-B	3.60	X.sắc		**3.60**	Xuất sắc	6,525,000	
37	37	ĐH	CNTT	B15DCCN310	Ngô Thị Thúy	Linh	D15CQCN02-B	3.59	X.sắc		**3.59**	Giỏi	5,220,000	
38	38	ĐH	CNTT	B15DCCN080	Bùi Thị	Cúc	D15CQCN03-B	3.58	X.sắc		**3.58**	Giỏi	5,220,000	
39	39	ĐH	CNTT	B16DCCN151	Lê Thị	Hoa	D16CQCN07-B	3.48	X.sắc	0.10	**3.58**	Giỏi	5,220,000	
40	40	ĐH	CNTT	B14DCCN096	Triệu Tuấn	Hiệp	D14CNPM2	3.57	Tốt		**3.57**	Giỏi	5,220,000	
41	41	ĐH	CNTT	B16DCCN289	Trần Chí	Quang	E16CN	3.57	X.sắc		**3.57**	Giỏi	5,220,000	
42	42	ĐH	CNTT	B15DCCN081	Đỗ Sơn	Cung	D15CQCN04-B	3.56	X.sắc		**3.56**	Giỏi	5,220,000	
43	43	ĐH	CNTT	B14DCCN130	Phạm Thị	Linh	D14HTTT1	3.55	X.sắc		**3.55**	Giỏi	5,220,000	
44	44	ĐH	CNTT	B15DCCN139	Vũ Văn	Đức	E15CQCN01-B	3.55	X.sắc		**3.55**	Giỏi	5,220,000	
45	45	ĐH	CNTT	B14DCCN091	Nguyễn Thành	Đạt	D14HTTT2	3.54	X.sắc		**3.54**	Giỏi	5,220,000	
46	46	ĐH	CNTT	B15DCCN025	Nguyễn Đức	Anh	D15CQCN03-B	3.44	X.sắc	0.10	**3.54**	Giỏi	5,220,000	
47	47	ĐH	CNTT	B15DCCN033	Nguyễn Ngọc	Anh	D15CQCN11-B	3.54	X.sắc		**3.54**	Giỏi	5,220,000	
48	48	ĐH	CNTT	B17DCCN658	Nguyễn Minh	Tuấn	D17CQCN10-B	3.54	X.sắc		**3.54**	Giỏi	5,220,000	
49	49	ĐH	CNTT	B17DCCN359	Phạm Trung	Kiên	D17CQCN11-B	3.43	X.sắc	0.10	**3.53**	Giỏi	5,220,000	
50	50	ĐH	CNTT	B15DCAT098	Trần Quang	Khải	E15CQCN01-B	3.43	X.sắc	0.10	**3.53**	Giỏi	5,220,000	
51	51	ĐH	CNTT	B14DCCN262	Đỗ Thành	Luân	D14HTTT1	3.53	X.sắc		**3.53**	Giỏi	5,220,000	
52	52	ĐH	CNTT	B16DCCN370	Hoàng Mậu	Trung	D16CQCN02-B	3.53	X.sắc		**3.53**	Giỏi	5,220,000	
53	53	ĐH	CNTT	B17DCCN378	Nguyễn Thùy	Linh	D17CQCN06-B	3.53	Tốt		**3.53**	Giỏi	5,220,000	
54	54	ĐH	CNTT	B17DCCN067	Nguyễn Xuân	Bách	D17CQCN01-B	3.52	X.sắc		**3.52**	Giỏi	5,220,000	
55	55	ĐH	CNTT	B17DCCN109	Đỗ Quang	Đạt	D17CQCN01-B	3.52	X.sắc		**3.52**	Giỏi	5,220,000	
56	56	ĐH	CNTT	B17DCCN102	Tống Thị	Đan	D17CQCN06-B	3.42	X.sắc	0.10	**3.52**	Giỏi	5,220,000	
57	57	ĐH	CNTT	B17DCCN372	Đỗ Khánh	Linh	D17CQCN12-B	3.42	Tốt	0.10	**3.52**	Giỏi	5,220,000	
58	58	ĐH	CNTT	B14DCCN361	Trần Minh	Hoàng	D14CNPM3	3.51	X.sắc		**3.51**	Giỏi	5,220,000	

Thứ tự		Hệ	Ngành	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm TBCHT	Xếp loại RL	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	Loại HB KKHT	Học bổng (đ/kỳ)	Ghi chú
59	59	ĐH	CNTT	B14DCCN003	Vương Đình	Hiếu	D14HTTT4	3.51	X.sắc		**3.51**	Giỏi	5,220,000	
60	60	ĐH	CNTT	B14DCCN072	Lưu Doãn Ngọc	Phương	D14HTTT4	3.51	X.sắc		**3.51**	Giỏi	5,220,000	
61	61	ĐH	CNTT	B15DCCN046	Nguyễn Tuấn	Anh	D15CQCN02-B	3.51	Tốt		**3.51**	Giỏi	5,220,000	
62	62	ĐH	CNTT	B15DCCN273	Nguyễn Đức	Huy	D15CQCN09-B	3.51	X.sắc		**3.51**	Giỏi	5,220,000	
63	63	ĐH	CNTT	B16DCCN018	Hoàng Ngọc	ánh	D16CQCN02-B	3.51	Tốt		**3.51**	Giỏi	5,220,000	
64	64	ĐH	CNTT	B14DCCN074	Phạm Văn	Hùng	D14HTTT3	3.50	Khá		**3.50**	**Khá**	4,350,000	
65	65	ĐH	CNTT	B17DCCN531	Nguyễn Thanh	Sáng	D17CQCN03-B	3.50	X.sắc		**3.50**	Giỏi	5,220,000	
66	66	ĐH	CNTT	B17DCCN468	Nguyễn Duy Minh	Ngọc	D17CQCN12-B	3.50	Tốt		**3.50**	Giỏi	5,220,000	
67	67	ĐH	CNTT	B17DCCN557	Trần Thị Hồng	Thái	D17CQCN05-B	3.39	X.sắc	0.10	**3.49**	Giỏi	5,220,000	
68	68	ĐH	CNTT	B15DCCN316	Lưu Hải	Long	E15CQCN01-B	3.49	X.sắc		**3.49**	Giỏi	5,220,000	
69	69	ĐH	CNTT	B15DCCN059	Nguyễn Quốc	Bình	D15CQCN04-B	3.34	X.sắc	0.15	**3.49**	Giỏi	5,220,000	
70	70	ĐH	CNTT	B14DCCN190	Chử Văn	Hậu	D14HTTT1	3.48	X.sắc		**3.48**	Giỏi	5,220,000	
71	71	ĐH	CNTT	B15DCCN410	Lê Hồng	Phong	D15CQCN03-B	3.38	X.sắc	0.10	**3.48**	Giỏi	5,220,000	
72	72	ĐH	CNTT	B15DCCN017	Nguyễn Thế	Anh	D15CQCN06-B	3.48	X.sắc		**3.48**	Giỏi	5,220,000	
73	73	ĐH	CNTT	B15DCCN029	Phạm Ngọc	Anh	D15CQCN07-B	3.48	X.sắc		**3.48**	Giỏi	5,220,000	
74	74	ĐH	CNTT	B16DCCN284	Đỗ Thanh	Quang	D16CQCN04-B	3.48	X.sắc		**3.48**	Giỏi	5,220,000	
75	75	ĐH	CNTT	B15DCCN166	Triệu Khương	Duy	D15CQCN01-B	3.27	X.sắc	0.20	**3.47**	Giỏi	5,220,000	
76	76	ĐH	CNTT	B17DCCN456	Đào Hoàng	Ngân	D17CQCN12-B	3.47	X.sắc		**3.47**	Giỏi	5,220,000	
77	77	ĐH	CNTT	B15DCCN104	Nguyễn Văn	Đạo	D15CQCN05-B	3.46	Tốt		**3.46**	Giỏi	5,220,000	
78	78	ĐH	CNTT	B15DCCN558	Trương Mạnh	Toàn	D15CQCN08-B	3.46	X.sắc		**3.46**	Giỏi	5,220,000	
79	79	ĐH	CNTT	B16DCCN194	Trần Đăng	Khoa	D16CQCN02-B	3.46	Tốt		**3.46**	Giỏi	5,220,000	
80	80	ĐH	CNTT	B15DCCN175	Bùi Mạnh	Hà	E15CQCN01-B	3.46	X.sắc		**3.46**	Giỏi	5,220,000	
81	81	ĐH	CNTT	B14DCCN248	Ninh Văn	Dũng	D14HTTT3	3.45	Tốt		**3.45**	Giỏi	5,220,000	
82	82	ĐH	CNTT	B14DCCN032	Nguyễn Thị	Nguyên	D14HTTT4	3.45	X.sắc		**3.45**	Giỏi	5,220,000	
83	83	ĐH	CNTT	B16DCCN019	Nguyễn Thị	ánh	D16CQCN03-B	3.35	X.sắc	0.10	**3.45**	Giỏi	5,220,000	
84	84	ĐH	CNTT	B17DCCN183	Đỗ Trường	Giang	D17CQCN03-B	3.35	X.sắc	0.10	**3.45**	Giỏi	5,220,000	
85	85	ĐH	CNTT	B14DCCN154	Đặng Hoàng	Long	D14CNPM1	3.44	X.sắc		**3.44**	Giỏi	5,220,000	
86	86	ĐH	CNTT	B14DCCN191	Nguyễn Thị	Nga	D14HTTT1	3.44	X.sắc		**3.44**	Giỏi	5,220,000	
87	87	ĐH	CNTT	B14DCCN400	Trần Thị	Tươi	D14HTTT1	3.44	X.sắc		**3.44**	Giỏi	5,220,000	
88	88	ĐH	CNTT	B14DCCN366	Nguyễn Viết	Thành	D14HTTT2	3.44	Tốt		**3.44**	Giỏi	5,220,000	
89	89	ĐH	CNTT	B14DCCN229	Phạm Quang	Huy	D14HTTT3	3.44	Tốt		**3.44**	Giỏi	5,220,000	
90	90	ĐH	CNTT	B14DCCN011	Bùi Thị	Hiền	D14HTTT4	3.44	X.sắc		**3.44**	Giỏi	5,220,000	
91	91	ĐH	CNTT	B15DCCN298	Đồng Văn	Lâm	D15CQCN01-B	3.44	Tốt		**3.44**	Giỏi	5,220,000	

Thứ tự		Hệ	Ngành	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm TBCHT	Xếp loại RL	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	Loại HB KKHT	Học bổng (đ/kỳ)	Ghi chú
92	92	ĐH	CNTT	B15DCCN627	Ngô Thanh	Tùng	D15CQCN11-B	3.44	Tốt		**3.44**	Giỏi	5,220,000	
93	93	ĐH	CNTT	B17DCAT063	Nguyễn Hoàng	Hà	E17CQCN01-B	3.44	X.sắc		**3.44**	Giỏi	5,220,000	
94	94	ĐH	CNTT	B15DCCN097	Nguyễn Ngọc	Đại	D15CQCN09-B	3.43	X.sắc		**3.43**	Giỏi	5,220,000	
95	95	ĐH	CNTT	B16DCCN117	Hoàng Nguyên	Giáp	D16CQCN05-B	3.42	Tốt		**3.42**	Giỏi	5,220,000	
96	96	ĐH	CNTT	B14DCCN408	Nguyễn Minh	Đức	D14HTTT2	3.41	Tốt		**3.41**	Giỏi	5,220,000	
97	97	ĐH	CNTT	B14DCCN386	Trần Huy	Hoàng	D14HTTT3	3.41	Khá		**3.41**	**Khá**	4,350,000	
98	98	ĐH	CNTT	B15DCCN027	Kiều Việt	Anh	D15CQCN05-B	3.41	Tốt		**3.41**	Giỏi	5,220,000	
99	99	ĐH	CNTT	B15DCCN525	Phạm Thị Phương	Thảo	D15CQCN08-B	3.41	X.sắc		**3.41**	Giỏi	5,220,000	
100	100	ĐH	CNTT	B17DCCN493	Bùi Bích	Phương	D17CQCN01-B	3.41	Tốt		**3.41**	Giỏi	5,220,000	
101	101	ĐH	CNTT	B15DCCN325	Đinh Thiện	Luân	D15CQCN06-B	3.40	X.sắc		**3.40**	Giỏi	5,220,000	
102	102	ĐH	CNTT	B15DCCN381	Trần Đại	Nam	D15CQCN07-B	3.40	X.sắc		**3.40**	Giỏi	5,220,000	
103	103	ĐH	CNTT	B15DCCN043	Phạm Hoàng	Anh	E15CQCN01-B	3.30	X.sắc	0.10	**3.40**	Giỏi	5,220,000	
104	104	ĐH	CNTT	B14DCCN244	Đặng Quang	Huy	D14HTTT1	3.29	X.sắc	0.10	**3.39**	Giỏi	5,220,000	
105	105	ĐH	CNTT	B17DCCN398	Nguyễn Văn	Long	D17CQCN02-B	3.39	X.sắc		**3.39**	Giỏi	5,220,000	
106	106	ĐH	CNTT	B17DCCN510	Nguyễn Minh	Quang	D17CQCN06-B	3.39	Tốt		**3.39**	Giỏi	5,220,000	
107	107	ĐH	CNTT	B14DCCN663	Trần Thị Kim	Chi	D14HTTT4	3.38	X.sắc		**3.38**	Giỏi	5,220,000	
108	108	ĐH	CNTT	B15DCCN078	Nguyễn Hữu	Công	D15CQCN01-B	3.38	Tốt		**3.38**	Giỏi	5,220,000	
109	109	ĐH	CNTT	B15DCCN014	Phạm Ngọc	Anh	D15CQCN03-B	3.38	X.sắc		**3.38**	Giỏi	5,220,000	
110	110	ĐH	CNTT	B15DCCN357	Nguyễn Ngọc	Minh	D15CQCN05-B	3.38	X.sắc		**3.38**	Giỏi	5,220,000	
111	111	ĐH	CNTT	B15DCCN493	Nguyễn Thế Minh	Thắng	D15CQCN09-B	3.28	X.sắc	0.10	**3.38**	Giỏi	5,220,000	
112	112	ĐH	CNTT	B16DCCN227	Hoàng Thị	Mến	D16CQCN03-B	3.38	X.sắc		**3.38**	Giỏi	5,220,000	
113	113	ĐH	CNTT	B17DCCN362	Vũ Thanh	Lam	D17CQCN02-B	3.38	X.sắc		**3.38**	Giỏi	5,220,000	
114	114	ĐH	CNTT	B14DCVT279	Đàm Bá	Quyền	E14CQCN01-B	3.38	X.sắc		**3.38**	Giỏi	5,220,000	
115	115	ĐH	CNTT	B15DCCN200	Nguyễn Công	Hậu	E15CQCN01-B	3.38	X.sắc		**3.38**	Giỏi	5,220,000	
116	116	ĐH	CNTT	B16DCDT125	Hoàng Trung	Kiên	E16CN	3.28	X.sắc	0.10	**3.38**	Giỏi	5,220,000	
117	117	ĐH	CNTT	B16DCCN334	Nguyễn Phương	Thảo	D16CQCN06-B	3.37	Tốt		**3.37**	Giỏi	5,220,000	
118	118	ĐH	CNTT	B15DCVT144	Nguyễn Công	Hiếu	E15CQCN02-B	3.36	X.sắc		**3.36**	Giỏi	5,220,000	
119	119	ĐH	CNTT	B14DCCN487	Bùi Nguyệt	Nga	D14HTTT3	3.35	X.sắc		**3.35**	Giỏi	5,220,000	
120	120	ĐH	CNTT	B15DCCN291	Nguyễn Văn	Kiên	D15CQCN05-B	3.35	Tốt		**3.35**	Giỏi	5,220,000	
121	121	ĐH	CNTT	B17DCCN075	Đặng Hữu	Cảnh	D17CQCN03-B	3.25	X.sắc	0.10	**3.35**	Giỏi	5,220,000	
122	122	ĐH	CNTT	B16DCCN103	Lê Bình	Dương	E16CN	3.24	X.sắc	0.10	**3.34**	Giỏi	5,220,000	
123	123	ĐH	CNTT	B14DCCN427	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	D14HTTT2	3.34	X.sắc		**3.34**	Giỏi	5,220,000	
124	124	ĐH	CNTT	B14DCCN308	Ngô Thị	Linh	D14HTTT3	3.34	X.sắc		**3.34**	Giỏi	5,220,000	

Thứ tự		Hệ	Ngành	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm TBCHT	Xếp loại RL	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	Loại HB KKHT	Học bổng (đ/kỳ)	Ghi chú
125	125	ĐH	CNTT	B14DCCN387	Nguyễn Thị	Hòa	D14HTTT4	3.34	X.sắc		**3.34**	Giỏi	5,220,000	
126	126	ĐH	CNTT	B15DCCN376	Đặng Quang	Nam	D15CQCN02-B	3.34	Tốt		**3.34**	Giỏi	5,220,000	
127	127	ĐH	CNTT	B15DCCN088	Nguyễn Quốc	Cường	D15CQCN11-B	3.34	Tốt		**3.34**	Giỏi	5,220,000	
128	128	ĐH	CNTT	B14DCCN486	Vũ Thành	Long	D14CNPM2	3.33	Tốt		**3.33**	Giỏi	5,220,000	
129	129	ĐH	CNTT	B14DCCN175	Triệu Văn	Thân	D14CNPM4	3.33	X.sắc		**3.33**	Giỏi	5,220,000	
130	130	ĐH	CNTT	B15DCCN384	Hoàng Ngọc	Nga	D15CQCN10-B	3.23	Tốt	0.10	**3.33**	Giỏi	5,220,000	
131	131	ĐH	CNTT	B16DCCN329	Nguyễn Khắc	Thành	D16CQCN01-B	3.23	X.sắc	0.10	**3.33**	Giỏi	5,220,000	
132	132	ĐH	CNTT	B15DCCN192	Ngô Thị Thu	Hân	D15CQCN05-B	3.32	X.sắc		**3.32**	Giỏi	5,220,000	
133	133	ĐH	CNTT	B15DCCN351	Nguyễn Quang	Minh	D15CQCN10-B	3.32	Tốt		**3.32**	Giỏi	5,220,000	
134	134	ĐH	CNTT	B16DCCN362	Nguyễn Hữu	Tráng	D16CQCN02-B	3.32	X.sắc		**3.32**	Giỏi	5,220,000	
135	135	ĐH	CNTT	B16DCCN270	Nguyễn Minh	Phúc	D16CQCN06-B	3.32	X.sắc		**3.32**	Giỏi	5,220,000	
136	136	ĐH	CNTT	B14DCCN095	Phạm Thị	Phượng	D14HTTT2	3.31	X.sắc		**3.31**	Giỏi	5,220,000	
137	137	ĐH	CNTT	B14DCCN557	Nông Thị	Tấm	D14HTTT2	3.31	Tốt		**3.31**	Giỏi	5,220,000	
138	138	ĐH	CNTT	B14DCCN584	Nguyễn Thị Vân	Anh	D14HTTT4	3.31	Tốt		**3.31**	Giỏi	5,220,000	
139	139	ĐH	CNTT	B15DCCN265	Trần Thị Thanh	Hương	D15CQCN01-B	3.31	Tốt		**3.31**	Giỏi	5,220,000	
140	140	ĐH	CNTT	B15DCCN244	Nguyễn Thị	Hồng	D15CQCN02-B	3.31	Tốt		**3.31**	Giỏi	5,220,000	
141	141	ĐH	CNTT	B15DCCN299	Lê Văn	Lâm	D15CQCN02-B	3.31	Tốt		**3.31**	Giỏi	5,220,000	
142	142	ĐH	CNTT	B15DCCN374	Nguyễn Văn	Nam	D15CQCN11-B	3.31	Tốt		**3.31**	Giỏi	5,220,000	
143	143	ĐH	CNTT	B14DCCN100	Trương Đức	Anh	E14CQCN01-B	3.30	Khá		**3.30**	**Khá**	4,350,000	
144	144	ĐH	CNTT	B14DCCN268	Nguyễn Đức	Cường	D14CNPM1	3.29	Tốt		**3.29**	Giỏi	5,220,000	
145	145	ĐH	CNTT	B14DCCN424	Bùi Thị Thùy	Dung	D14HTTT1	3.29	X.sắc		**3.29**	Giỏi	5,220,000	
146	146	ĐH	CNTT	B14DCCN172	Nguyễn Thảo	Ly	D14HTTT1	3.29	X.sắc		**3.29**	Giỏi	5,220,000	
147	147	ĐH	CNTT	B14DCCN014	Đoàn Thị	Hương	D14HTTT4	3.29	X.sắc		**3.29**	Giỏi	5,220,000	
148	148	ĐH	CNTT	B14DCCN866	Nguyễn Thị	Làn	D14HTTT4	3.29	X.sắc		**3.29**	Giỏi	5,220,000	
149	149	ĐH	CNTT	B15DCCN149	Nguyễn Đình	Dũng	D15CQCN06-B	3.29	Tốt		**3.29**	Giỏi	5,220,000	
150	150	ĐH	CNTT	B16DCCN034	Trần Đức	Chuyên	D16CQCN02-B	3.29	Tốt		**3.29**	Giỏi	5,220,000	
151	151	ĐH	CNTT	B17DCCN062	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	D17CQCN02-B	3.29	X.sắc		**3.29**	Giỏi	5,220,000	
152	152	ĐH	CNTT	B17DCCN620	Phạm Thị	Trang	D17CQCN08-B	3.29	X.sắc		**3.29**	Giỏi	5,220,000	
153	153	ĐH	CNTT	B14DCCN243	Bùi Ngọc	Bảo	D14CNPM5	3.28	X.sắc		**3.28**	Giỏi	5,220,000	
154	154	ĐH	CNTT	B14DCCN271	Trần Thị	Ngọc	D14HTTT3	3.28	X.sắc		**3.28**	Giỏi	5,220,000	
155	155	ĐH	CNTT	B15DCCN343	Hà Hồng	Mạnh	D15CQCN02-B	3.28	X.sắc		**3.28**	Giỏi	5,220,000	
156	156	ĐH	CNTT	B15DCCN170	Vũ Đỗ Minh	Giang	D15CQCN05-B	3.28	Tốt		**3.28**	Giỏi	5,220,000	
157	157	ĐH	CNTT	B16DCCN171	Nguyễn Thị Lan	Hương	D16CQCN03-B	3.28	X.sắc		**3.28**	Giỏi	5,220,000	

Thứ tự		Hệ	Ngành	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm TBCHT	Xếp loại RL	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	Loại HB KKHT	Học bổng (đ/kỳ)	Ghi chú
158	158	ĐH	CNTT	B15DCCN637	Lê Thị	Tuyết	E15CQCN01-B	3.28	X.sắc		**3.28**	Giỏi	5,220,000	
159	159	ĐH	CNTT	B14DCCN319	Phùng Văn	Thưởng	D14HTTT3	3.17	Tốt	0.10	**3.27**	Giỏi	5,220,000	
160	160	ĐH	CNTT	B17DCCN373	Dương Văn	Linh	D17CQCN01-B	3.27	X.sắc		**3.27**	Giỏi	5,220,000	
161	161	ĐH	CNTT	B15DCCN336	Phạm Thị	Mai	D15CQCN06-B	3.16	Tốt	0.10	**3.26**	Giỏi	5,220,000	
162	162	ĐH	CNTT	B15DCCN165	Tạ Anh	Duy	D15CQCN11-B	3.16	Tốt	0.10	**3.26**	Giỏi	5,220,000	
163	163	ĐH	CNTT	B14DCCN208	Lê Văn	Trường	D14CNPM1	3.26	Tốt		**3.26**	Giỏi	5,220,000	
164	164	ĐH	CNTT	B14DCCN163	Trịnh Giang	Đông	D14CNPM3	3.26	X.sắc		**3.26**	Giỏi	5,220,000	
165	165	ĐH	CNTT	B14DCCN186	Nguyễn Thị	Linh	D14HTTT2	3.26	Tốt		**3.26**	Giỏi	5,220,000	
166	166	ĐH	CNTT	B15DCCN172	Bùi Thị	Hà	D15CQCN07-B	3.26	X.sắc		**3.26**	Giỏi	5,220,000	
167	167	ĐH	CNTT	B15DCCN517	Nguyễn Duy	Thành	D15CQCN11-B	3.26	Tốt		**3.26**	Giỏi	5,220,000	
168	168	ĐH	CNTT	B17DCCN679	Phạm Thị Tố	Uyên	D17CQCN07-B	3.26	X.sắc		**3.26**	Giỏi	5,220,000	
169	169	ĐH	CNTT	B17DCCN272	Hoàng Thị Bích	Hồng	D17CQCN08-B	3.26	X.sắc		**3.26**	Giỏi	5,220,000	
170	170	ĐH	CNTT	B17DCCN284	Nguyễn Hoàng	Hùng	D17CQCN08-B	3.26	X.sắc		**3.26**	Giỏi	5,220,000	
171	171	ĐH	CNTT	B17DCCN633	Đào Xuân	Trường	D17CQCN09-B	3.26	Tốt		**3.26**	Giỏi	5,220,000	
An toàn thông tin														
172	1	ĐH	ATTT	B15DCAT194	Nguyễn Ngọc	Tường	D15CQAT02-B	3.51	X.sắc	0.10	**3.61**	Xuất sắc	6,525,000	
173	2	ĐH	ATTT	B14DCAT023	Dương Thị Hoài	Thương	D14CQAT01-B	3.49	X.sắc	0.10	**3.59**	Giỏi	5,220,000	
174	3	ĐH	ATTT	B14DCAT028	Nguyễn Đức	Thành	D14CQAT01-B	3.53	Tốt		**3.53**	Giỏi	5,220,000	
175	4	ĐH	ATTT	B14DCAT132	Phạm Thị Thu	Hiền	D14CQAT02-B	3.53	X.sắc		**3.53**	Giỏi	5,220,000	
176	5	ĐH	ATTT	B15DCAT018	Vũ Văn	Bắc	D15CQAT02-B	3.39	X.sắc	0.10	**3.49**	Giỏi	5,220,000	
177	6	ĐH	ATTT	B14DCAT027	Nguyễn Thái	Sơn	D14CQAT01-B	3.28	X.sắc	0.20	**3.48**	Giỏi	5,220,000	
178	7	ĐH	ATTT	B15DCAT106	Hoàng Vũ	Linh	D15CQAT02-B	3.33	X.sắc	0.15	**3.48**	Giỏi	5,220,000	
179	8	ĐH	ATTT	B15DCAT182	Phùng Anh	Tú	D15CQAT02-B	3.43	X.sắc		**3.43**	Giỏi	5,220,000	
180	9	ĐH	ATTT	B16DCAT131	Nguyễn Minh	Quốc	D16CQAT03-B	3.26	Khá	0.10	**3.36**	**Khá**	4,350,000	
181	10	ĐH	ATTT	B15DCAT081	Trần Quang	Hoàng	D15CQAT01-B	3.21	Tốt	0.10	**3.31**	Giỏi	5,220,000	
182	11	ĐH	ATTT	B15DCAT034	Mai Quốc	Cường	D15CQAT02-B	3.31	Khá		**3.31**	**Khá**	4,350,000	
183	12	ĐH	ATTT	B16DCAT068	Nguyễn Việt	Hoàng	D16CQAT04-B	3.21	Tốt	0.10	**3.31**	Giỏi	5,220,000	
184	13	ĐH	ATTT	B17DCAT077	Nguyễn Thị	Hoa	D17CQAT01-B	3.21	Tốt	0.10	**3.31**	Giỏi	5,220,000	
185	14	ĐH	ATTT	B15DCAT038	Trần Anh	Đạt	D15CQAT02-B	3.18	X.sắc	0.10	**3.28**	Giỏi	5,220,000	
186	15	ĐH	ATTT	B14DCAT157	Phạm Mạnh	Tuấn	D14CQAT03-B	3.26	X.sắc		**3.26**	Giỏi	5,220,000	
187	16	ĐH	ATTT	B16DCAT172	Nguyễn Thanh	Tùng	D16CQAT04-B	3.24	Tốt		**3.24**	Giỏi	5,220,000	
188	17	ĐH	ATTT	B17DCAT131	Nguyễn Hà Giáng	My	D17CQAT03-B	3.22	Tốt		**3.22**	Giỏi	5,220,000	
189	18	ĐH	ATTT	B16DCAT014	Nguyễn Bá	Cảnh	D16CQAT02-B	3.19	X.sắc		**3.19**	Khá	4,350,000	

Thứ tự		Hệ	Ngành	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm TBCHT	Xếp loại RL	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	Loại HB KKHT	Học bổng (đ/kỳ)	Ghi chú
190	19	ĐH	ATTT	B15DCAT163	Trần Văn	Tiến	D15CQAT03-B	3.18	Tốt		**3.18**	Khá	4,350,000	
191	20	ĐH	ATTT	B16DCAT058	Phan Trung	Hiếu	D16CQAT02-B	3.18	Tốt		**3.18**	Khá	4,350,000	
192	21	ĐH	ATTT	B14DCAT134	Phạm Như	Thao	D14CQAT02-B	3.15	X.sắc		**3.15**	Khá	4,350,000	
193	22	ĐH	ATTT	B14DCAT061	Trần Minh	Sáng	D14CQAT01-B	3.13	Tốt		**3.13**	Khá	4,350,000	
194	23	ĐH	ATTT	B15DCAT186	Phan Văn	Tuấn	D15CQAT02-B	3.01	X.sắc	0.10	**3.11**	Khá	4,350,000	
195	24	ĐH	ATTT	B16DCAT092	Lê Ngọc	Linh	D16CQAT04-B	3.09	Tốt		**3.09**	Khá	4,350,000	
196	25	ĐH	ATTT	B17DCAT089	Đinh Thị Thanh	Hương	D17CQAT01-B	3.09	Tốt		**3.09**	Khá	4,350,000	
197	26	ĐH	ATTT	B14DCAT015	Lê Hữu Quang	Linh	D14CQAT01-B	3.06	Tốt		**3.06**	Khá	4,350,000	
198	27	ĐH	ATTT	B15DCAT065	Nguyễn Công	Hậu	D15CQAT01-B	3.06	X.sắc		**3.06**	Khá	4,350,000	
199	28	ĐH	ATTT	B15DCAT082	Nguyễn Huy	Hoàng	D15CQAT02-B	3.06	Khá		**3.06**	Khá	4,350,000	
200	29	ĐH	ATTT	B15DCAT156	Từ Thị	Thảo	D15CQAT04-B	3.06	X.sắc		**3.06**	Khá	4,350,000	
201	30	ĐH	ATTT	B14DCAT026	Phan Minh	Đức	D14CQAT01-B	3.03	Tốt		**3.03**	Khá	4,350,000	
202	31	ĐH	ATTT	B15DCAT150	Bùi Viết	Thành	D15CQAT02-B	3.03	X.sắc		**3.03**	Khá	4,350,000	
203	32	ĐH	ATTT	B14DCAT047	Nguyễn Hồng	Sơn	D14CQAT01-B	2.91	Tốt	0.10	**3.01**	Khá	4,350,000	
204	33	ĐH	ATTT	B14DCAT013	Trần Đức	Huy	D14CQAT01-B	3.01	Tốt		**3.01**	Khá	4,350,000	
205	34	ĐH	ATTT	B14DCAT244	Nguyễn Thị Thu	Phương	D14CQAT02-B	3.01	X.sắc		**3.01**	Khá	4,350,000	
Điện - Điện tử														
206	1	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT157	Phan Hoàng	Anh	D14DTMT	4.00	X.sắc	0.10	**4.10**	Xuất sắc	6,525,000	
207	2	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT135	Mạc Duy	Hải	D14DTMT	4.00	X.sắc		**4.00**	Xuất sắc	6,525,000	
208	3	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT270	Hoàng Văn	Hữu	D14DTMT	4.00	X.sắc		**4.00**	Xuất sắc	6,525,000	
209	4	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT304	Mai Trung	Hải	D14XLTHTT1	3.90	X.sắc	0.10	**4.00**	Xuất sắc	6,525,000	
210	5	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT231	Lê Đình	Thi	D14DTMT	3.88	X.sắc	0.10	**3.98**	Xuất sắc	6,525,000	
211	6	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT259	Nguyễn Thị Thu	Huyền	D14DTMT	3.86	X.sắc		**3.86**	Xuất sắc	6,525,000	
212	7	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT040	Nguyễn Huy	Thông	D14XLTHTT2	3.84	X.sắc		**3.84**	Xuất sắc	6,525,000	
213	8	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT120	Trần Đức	Tài	D14XLTHTT2	3.81	X.sắc		**3.81**	Xuất sắc	6,525,000	
214	9	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT083	Nguyễn Văn	Đôn	D14DTMT	3.79	X.sắc		**3.79**	Xuất sắc	6,525,000	
215	10	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT285	Trương Đức	Minh	D14XLTHTT2	3.73	X.sắc		**3.73**	Xuất sắc	6,525,000	
216	11	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT235	Nguyễn Trung	Tuyến	D14XLTHTT2	3.71	X.sắc		**3.71**	Xuất sắc	6,525,000	
217	12	ĐH	KTĐ-ĐT	B15DCDT001	Nguyễn Thắng Hải	An	D15CQDT01-B	3.59	X.sắc	0.10	**3.69**	Xuất sắc	6,525,000	
218	13	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT287	Trần Hợp	Trình	D14XLTHTT1	3.68	X.sắc		**3.68**	Xuất sắc	6,525,000	
219	14	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT297	Phạm Thị Kim	Dung	D14XLTHTT2	3.66	X.sắc		**3.66**	Xuất sắc	6,525,000	
220	15	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT034	Trần Trung	Hiếu	D14XLTHTT2	3.66	X.sắc		**3.66**	Xuất sắc	6,525,000	
221	16	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT048	Phạm	Vinh	D14DTMT	3.62	X.sắc		**3.62**	Xuất sắc	6,525,000	

Thứ tự		Hệ	Ngành	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm TBCHT	Xếp loại RL	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	Loại HB KKHT	Học bổng (đ/kỳ)	Ghi chú
222	17	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT213	Nguyễn Trọng	Đại	D14DTMT	3.60	Tốt		**3.60**	**Giỏi**	5,220,000	
223	18	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT186	Lưu Thị	Thơm	D14DTMT	3.56	X.sắc		**3.56**	Giỏi	5,220,000	
224	19	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT178	Lê Trọng	Quân	D14DTMT	3.54	X.sắc		**3.54**	Giỏi	5,220,000	
225	20	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT065	Nguyễn Nam	Văn	D14DTMT	3.51	X.sắc		**3.51**	Giỏi	5,220,000	
226	21	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT274	Trương Quang	Đô	D14DTMT	3.50	X.sắc		**3.50**	Giỏi	5,220,000	
227	22	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT030	Nguyễn Xuân	Hồng	D14DTMT	3.48	X.sắc		**3.48**	Giỏi	5,220,000	
228	23	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT165	Cao Anh	Hùng	D14XLTHTT2	3.48	Tốt		**3.48**	Giỏi	5,220,000	
229	24	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT041	Chu Văn	Trọng	D14XLTHTT2	3.48	Tốt		**3.48**	Giỏi	5,220,000	
230	25	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT243	Tạ Văn	Minh	D14DTMT	3.47	X.sắc		**3.47**	Giỏi	5,220,000	
231	26	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT277	Đào Phúc	Hùng	D14XLTHTT1	3.47	X.sắc		**3.47**	Giỏi	5,220,000	
232	27	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT301	Lều Văn	Công	D14XLTHTT2	3.47	Tốt		**3.47**	Giỏi	5,220,000	
233	28	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT278	Khổng Ngọc	Kiên	D14XLTHTT2	3.47	Tốt		**3.47**	Giỏi	5,220,000	
234	29	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT020	Đinh Quang	Thao	D14DTMT	3.46	X.sắc		**3.46**	Giỏi	5,220,000	
235	30	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT272	Đào Văn	Hà	D14XLTHTT1	3.46	X.sắc		**3.46**	Giỏi	5,220,000	
236	31	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT031	Cao Nguyên Sơn	Hải	D14XLTHTT1	3.46	X.sắc		**3.46**	Giỏi	5,220,000	
237	32	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT158	Nguyễn Ngọc	Minh	D14DTMT	3.44	X.sắc		**3.44**	Giỏi	5,220,000	
238	33	ĐH	KTĐ-ĐT	B15DCDT069	Phan Văn	Hiện	D15CQDT01-B	3.34	X.sắc	0.10	**3.44**	Giỏi	5,220,000	
239	34	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT018	Nguyễn Quốc	Trung	D14DTMT	3.43	X.sắc		**3.43**	Giỏi	5,220,000	
240	35	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT117	Mai Xuân	Tiến	D14DTMT	3.41	X.sắc		**3.41**	Giỏi	5,220,000	
241	36	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT265	Lê Văn	Giảng	D14XLTHTT1	3.41	X.sắc		**3.41**	Giỏi	5,220,000	
242	37	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT147	Phạm Ngọc	Lâm	D14DTMT	3.40	X.sắc		**3.40**	Giỏi	5,220,000	
243	38	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT292	Đỗ Xuân	Tuấn	D14DTMT	3.39	Tốt		**3.39**	Giỏi	5,220,000	
244	39	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT077	Hoàng Hữu	Anh	D14XLTHTT2	3.38	X.sắc		**3.38**	Giỏi	5,220,000	
245	40	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT210	Đặng Ngọc Hoàng	Giang	D14XLTHTT2	3.38	Tốt		**3.38**	Giỏi	5,220,000	
246	41	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT275	Lê Như	Quân	D14DTMT	3.36	X.sắc		**3.36**	Giỏi	5,220,000	
247	42	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT053	Hoàng Văn	Thao	D14DTMT	3.36	X.sắc		**3.36**	Giỏi	5,220,000	
248	43	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT324	Nguyễn Văn	Thành	D14DTMT	3.34	X.sắc		**3.34**	Giỏi	5,220,000	
249	44	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT002	Vũ Hồng	Nam	D14XLTHTT2	3.34	Tốt		**3.34**	Giỏi	5,220,000	
250	45	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT103	Lê Văn	Hùng	D14DTMT	3.33	X.sắc		**3.33**	Giỏi	5,220,000	
251	46	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT033	Nguyễn Văn	Linh	D14XLTHTT2	3.33	Tốt		**3.33**	Giỏi	5,220,000	
252	47	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT314	Trần Quang	Trung	D14DTMT	3.32	X.sắc		**3.32**	Giỏi	5,220,000	
253	48	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT008	Nguyễn Tiến	Đạt	D14XLTHTT1	3.32	X.sắc		**3.32**	Giỏi	5,220,000	
254	49	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT045	Vũ Thị	Thơm	D14XLTHTT1	3.32	X.sắc		**3.32**	Giỏi	5,220,000	

Thứ tự		Hệ	Ngành	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm TBCHT	Xếp loại RL	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	Loại HB KKHT	Học bổng (đ/kỳ)	Ghi chú
255	50	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT038	Nguyễn Tống	Thuận	D14XLTHTT1	3.32	X.sắc		**3.32**	Giỏi	5,220,000	
256	51	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT074	Trần Phương	Nam	D14XLTHTT1	3.30	X.sắc		**3.30**	Giỏi	5,220,000	
257	52	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT191	Ngọ Duy	Trung	D14XLTHTT1	3.30	X.sắc		**3.30**	Giỏi	5,220,000	
258	53	ĐH	KTĐ-ĐT	B15DCDT121	Vũ Hải	Long	D15CQDT01-B	3.19	X.sắc	0.10	**3.29**	Giỏi	5,220,000	
259	54	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT290	Lê Quang	Trưởng	D14XLTHTT2	3.28	Tốt		**3.28**	Giỏi	5,220,000	
260	55	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT005	Phạm Hữu	Trí	D14DTMT	3.27	X.sắc		**3.27**	Giỏi	5,220,000	
261	56	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT239	Kim Văn	Vy	D14DTMT	3.27	X.sắc		**3.27**	Giỏi	5,220,000	
262	57	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT039	Hoàng Đức	Hùng	D14XLTHTT1	3.27	X.sắc		**3.27**	Giỏi	5,220,000	
263	58	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT069	Nguyễn Văn	Hải	D14XLTHTT2	3.27	Tốt		**3.27**	Giỏi	5,220,000	
264	59	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT028	Nguyễn Thị ánh	Phượng	D14XLTHTT1	3.24	X.sắc		**3.24**	Giỏi	5,220,000	
265	60	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT167	Nguyễn Quốc	Đạt	D14XLTHTT2	3.24	Tốt		**3.24**	Giỏi	5,220,000	
266	61	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT032	Phạm Thị	Hằng	D14XLTHTT2	3.24	Tốt		**3.24**	Giỏi	5,220,000	
267	62	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT046	Trần Ngọc	Tiến	D14XLTHTT2	3.24	Tốt		**3.24**	Giỏi	5,220,000	
268	63	ĐH	KTĐ-ĐT	B15DCDT112	Ngô Thị	Là	D15CQDT04-B	3.24	X.sắc		**3.24**	Giỏi	5,220,000	
269	64	ĐH	KTĐ-ĐT	B16DCDT224	Trần Thanh	Tùng	D16CQDT04-B	3.14	X.sắc	0.10	**3.24**	Giỏi	5,220,000	
270	65	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT063	Nguyễn Tuấn	Anh	D14XLTHTT1	3.22	X.sắc		**3.22**	Giỏi	5,220,000	
271	66	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT248	Nguyễn Văn	Thịnh	D14XLTHTT2	3.12	Tốt	0.10	**3.22**	Giỏi	5,220,000	
272	67	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT037	Ngô Công	Hà	D14DTMT	3.19	X.sắc		**3.19**	Khá	4,350,000	
273	68	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT225	Lê Khánh	Nguyên	D14DTMT	3.19	X.sắc		**3.19**	Khá	4,350,000	
274	69	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT173	Vũ Ngọc	Dũng	D14XLTHTT2	3.19	Tốt		**3.19**	Khá	4,350,000	
275	70	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT064	Tô Thị	Lý	D14XLTHTT1	3.16	Tốt		**3.16**	Khá	4,350,000	
276	71	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT168	Lê Thanh	Hà	D14XLTHTT2	3.16	Tốt		**3.16**	Khá	4,350,000	
277	72	ĐH	KTĐ-ĐT	B15DCDT017	Nguyễn Tiểu	Châu	D15CQDT01-B	3.06	X.sắc	0.10	**3.16**	Khá	4,350,000	
278	73	ĐH	KTĐ-ĐT	B15DCDT095	Nguyễn Thị	Hương	D15CQDT03-B	3.14	X.sắc		**3.14**	Khá	4,350,000	
279	74	ĐH	KTĐ-ĐT	B14DCDT308	Phạm Văn	Biển	D14XLTHTT1	3.02	Tốt	0.10	**3.12**	Khá	4,350,000	
Điện tử truyền thông														
280	1	ĐH	ĐTTT	B14DCVT320	Nguyễn Thị Thùy	Trang	D14CQVT04-B	4.00	X.sắc		**4.00**	Xuất sắc	6,525,000	
281	2	ĐH	ĐTTT	B14DCVT283	Nguyễn Hồng	Đức	D14CQVT06-B	3.89	X.sắc		**3.89**	Xuất sắc	6,525,000	
282	3	ĐH	ĐTTT	B15DCVT315	Trần Hùng Anh	Quân	D15CQVT03-B	3.82	X.sắc		**3.82**	Xuất sắc	6,525,000	
283	4	ĐH	ĐTTT	B14DCVT090	Phạm Quang	Trung	D14CQVT01-B	3.80	X.sắc		**3.80**	Xuất sắc	6,525,000	
284	5	ĐH	ĐTTT	B14DCVT374	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	D14CQVT04-B	3.78	X.sắc		**3.78**	Xuất sắc	6,525,000	
285	6	ĐH	ĐTTT	B16DCVT192	Trần Tuấn	Linh	D16CQVT08-B	3.73	X.sắc		**3.73**	Xuất sắc	6,525,000	
286	7	ĐH	ĐTTT	B16DCVT003	Phan Văn	An	D16CQVT03-B	3.70	X.sắc		**3.70**	Xuất sắc	6,525,000	

Thứ tự		Hệ	Ngành	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm TBCHT	Xếp loại RL	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	Loại HB KKHT	Học bổng (đ/kỳ)	Ghi chú
287	8	ĐH	ĐTTT	B16DCVT344	Nguyễn Huy	Tưởng	D16CQVT08-B	3.70	X.sắc		**3.70**	Xuất sắc	6,525,000	
288	9	ĐH	ĐTTT	B14DCVT213	Nguyễn Hiếu	Nghĩa	D14CQVT01-B	3.66	X.sắc		**3.66**	Xuất sắc	6,525,000	
289	10	ĐH	ĐTTT	B14DCVT142	Đặng Đức	Nhật	D14CQVT02-B	3.66	X.sắc		**3.66**	Xuất sắc	6,525,000	
290	11	ĐH	ĐTTT	B15DCVT456	Lê Tuấn	Vũ	D15CQVT08-B	3.65	X.sắc		**3.65**	Xuất sắc	6,525,000	
291	12	ĐH	ĐTTT	B16DCVT094	Nguyễn Thị	Duyên	D16CQVT06-B	3.65	X.sắc		**3.65**	Xuất sắc	6,525,000	
292	13	ĐH	ĐTTT	B14DCVT157	Nguyễn Hồng	Văn	D14CQVT02-B	3.61	X.sắc		**3.61**	Xuất sắc	6,525,000	
293	14	ĐH	ĐTTT	B14DCVT078	Trần Minh	Tuấn	D14CQVT01-B	3.58	X.sắc		**3.58**	Giỏi	5,220,000	
294	15	ĐH	ĐTTT	B16DCVT248	Vũ Đức	Phương	D16CQVT08-B	3.58	X.sắc		**3.58**	Giỏi	5,220,000	
295	16	ĐH	ĐTTT	B14DCVT148	Nguyễn Quốc	Minh	D14CQVT02-B	3.57	X.sắc		**3.57**	Giỏi	5,220,000	
296	17	ĐH	ĐTTT	B15DCVT139	Hà Thị Thu	Hiền	D15CQVT03-B	3.54	X.sắc		**3.54**	Giỏi	5,220,000	
297	18	ĐH	ĐTTT	B15DCVT121	Ngô Mạnh	Hà	D15CQVT01-B	3.51	X.sắc		**3.51**	Giỏi	5,220,000	
298	19	ĐH	ĐTTT	B14DCVT170	Đặng Quang	Minh	D14CQVT03-B	3.49	X.sắc		**3.49**	Giỏi	5,220,000	
299	20	ĐH	ĐTTT	B14DCVT028	Nguyễn Thị	Hằng	D14CQVT06-B	3.49	X.sắc		**3.49**	Giỏi	5,220,000	
300	21	ĐH	ĐTTT	B15DCVT379	Trịnh Thị	Thảo	D15CQVT03-B	3.48	X.sắc		**3.48**	Giỏi	5,220,000	
301	22	ĐH	ĐTTT	B16DCVT116	Hoàng Minh	Hiếu	D16CQVT04-B	3.48	X.sắc		**3.48**	Giỏi	5,220,000	
302	23	ĐH	ĐTTT	B14DCVT086	Phạm Thị Hồng	Vân	D14CQVT03-B	3.47	X.sắc		**3.47**	Giỏi	5,220,000	
303	24	ĐH	ĐTTT	B15DCVT344	Nguyễn Hoàng	Sơn	D15CQVT08-B	3.47	X.sắc		**3.47**	Giỏi	5,220,000	
304	25	ĐH	ĐTTT	B14DCVT023	Đỗ Thị Thu	Thủy	D14CQVT06-B	3.46	X.sắc		**3.46**	Giỏi	5,220,000	
305	26	ĐH	ĐTTT	B14DCVT138	Nguyễn Thị Huyền	Trang	D14CQVT01-B	3.45	X.sắc		**3.45**	Giỏi	5,220,000	
306	27	ĐH	ĐTTT	B14DCVT077	Dương Văn	Hải	D14CQVT03-B	3.44	X.sắc		**3.44**	Giỏi	5,220,000	
307	28	ĐH	ĐTTT	B14DCVT039	Nguyễn Khắc	Anh	D14CQVT06-B	3.44	Tốt		**3.44**	Giỏi	5,220,000	
308	29	ĐH	ĐTTT	B14DCVT105	Trần Như	Thanh	D14CQVT01-B	3.42	X.sắc		**3.42**	Giỏi	5,220,000	
309	30	ĐH	ĐTTT	B15DCVT473	Vũ Đức	Hạnh	D15CQVT01-B	3.32	X.sắc	0.10	**3.42**	Giỏi	5,220,000	
310	31	ĐH	ĐTTT	B15DCVT272	Nguyễn Công	Nam	D15CQVT08-B	3.42	X.sắc		**3.42**	Giỏi	5,220,000	
311	32	ĐH	ĐTTT	B16DCVT257	Nguyễn Văn	Sang	D16CQVT01-B	3.42	X.sắc		**3.42**	Giỏi	5,220,000	
312	33	ĐH	ĐTTT	B16DCVT093	Lại Văn	Duyên	D16CQVT05-B	3.42	X.sắc		**3.42**	Giỏi	5,220,000	
313	34	ĐH	ĐTTT	B14DCVT076	Vũ Yến	Nhi	D14CQVT02-B	3.41	X.sắc		**3.41**	Giỏi	5,220,000	
314	35	ĐH	ĐTTT	B16DCVT208	Phùng Đức	Mạnh	D16CQVT08-B	3.40	X.sắc		**3.40**	Giỏi	5,220,000	
315	36	ĐH	ĐTTT	B14DCVT549	Nguyễn Đình Than	Hà	D14CQVT05-B	3.39	X.sắc		**3.39**	Giỏi	5,220,000	
316	37	ĐH	ĐTTT	B14DCVT057	Nguyễn Thị Bích	Phượng	D14CQVT06-B	3.39	X.sắc		**3.39**	Giỏi	5,220,000	
317	38	ĐH	ĐTTT	B15DCVT273	Lê Đức	Nam	D15CQVT01-B	3.39	X.sắc		**3.39**	Giỏi	5,220,000	
318	39	ĐH	ĐTTT	B15DCVT361	Nguyễn Hữu	Thắng	D15CQVT01-B	3.29	X.sắc	0.10	**3.39**	Giỏi	5,220,000	
319	40	ĐH	ĐTTT	B16DCVT184	Dương Thị	Lan	D16CQVT08-B	3.28	Tốt	0.10	**3.38**	Giỏi	5,220,000	

Thứ tự		Hệ	Ngành	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm TBCHT	Xếp loại RL	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	Loại HB KKHT	Học bổng (đ/kỳ)	Ghi chú
320	41	ĐH	ĐTTT	B15DCVT105	Nguyễn Văn	Dương	D15CQVT01-B	3.36	X.sắc		**3.36**	Giỏi	5,220,000	
321	42	ĐH	ĐTTT	B16DCVT011	Nguyễn Nhật	Anh	D16CQVT03-B	3.35	Tốt		**3.35**	Giỏi	5,220,000	
322	43	ĐH	ĐTTT	B14DCVT353	Hà Văn	Huân	D14CQVT05-B	3.34	X.sắc		**3.34**	Giỏi	5,220,000	
323	44	ĐH	ĐTTT	B14DCVT063	Nguyễn Quang	Huy	D14CQVT06-B	3.33	X.sắc		**3.33**	Giỏi	5,220,000	
324	45	ĐH	ĐTTT	B16DCVT317	Nguyễn Thị	Trinh	D16CQVT05-B	3.33	X.sắc		**3.33**	Giỏi	5,220,000	
325	46	ĐH	ĐTTT	B14DCVT020	Nguyễn Khả	Hưng	D14CQVT06-B	3.32	X.sắc		**3.32**	Giỏi	5,220,000	
326	47	ĐH	ĐTTT	B17DCVT090	Hà Thị Thùy	Dương	D17CQVT02-B	3.32	X.sắc		**3.32**	Giỏi	5,220,000	
327	48	ĐH	ĐTTT	B14DCVT199	Nguyễn Văn	Anh	D14CQVT02-B	3.31	X.sắc		**3.31**	Giỏi	5,220,000	
328	49	ĐH	ĐTTT	B14DCVT198	Nguyễn Thị	Thuận	D14CQVT01-B	3.29	X.sắc		**3.29**	Giỏi	5,220,000	
329	50	ĐH	ĐTTT	B15DCVT113	Nguyễn Thị	Duyên	D15CQVT01-B	3.29	X.sắc		**3.29**	Giỏi	5,220,000	
330	51	ĐH	ĐTTT	B15DCVT310	Bùi Văn	Phượng	D15CQVT06-B	3.29	X.sắc		**3.29**	Giỏi	5,220,000	
331	52	ĐH	ĐTTT	B16DCVT082	Nguyễn Tấn	Dũng	D16CQVT02-B	3.27	X.sắc		**3.27**	Giỏi	5,220,000	
332	53	ĐH	ĐTTT	B14DCVT060	Lê Vũ	Hoàng	D14CQVT06-B	3.26	X.sắc		**3.26**	Giỏi	5,220,000	
333	54	ĐH	ĐTTT	B14DCVT177	Phạm Minh	Quang	D14CQVT01-B	3.25	Tốt		**3.25**	Giỏi	5,220,000	
334	55	ĐH	ĐTTT	B14DCVT612	Nguyễn Thị Mai	Anh	D14CQVT04-B	3.25	Tốt		**3.25**	Giỏi	5,220,000	
335	56	ĐH	ĐTTT	B16DCVT066	Giang Anh	Đức	D16CQVT02-B	3.25	X.sắc		**3.25**	Giỏi	5,220,000	
336	57	ĐH	ĐTTT	B16DCVT240	Dương Quang	Phúc	D16CQVT08-B	3.15	X.sắc	0.10	**3.25**	Giỏi	5,220,000	
337	58	ĐH	ĐTTT	B14DCVT156	Ngô Văn	Nam	D14CQVT01-B	3.14	Tốt	0.10	**3.24**	Giỏi	5,220,000	
338	59	ĐH	ĐTTT	B14DCVT511	Đỗ Văn	Thao	D14CQVT05-B	3.24	X.sắc		**3.24**	Giỏi	5,220,000	
339	60	ĐH	ĐTTT	B14DCVT036	Tống Thị Thu	Hường	D14CQVT06-B	3.24	X.sắc		**3.24**	Giỏi	5,220,000	
340	61	ĐH	ĐTTT	B15DCVT041	Nguyễn Thị	Chi	D15CQVT01-B	3.24	X.sắc		**3.24**	Giỏi	5,220,000	
341	62	ĐH	ĐTTT	B14DCVT575	Phan Thị Thùy	Ngân	D14CQVT05-B	3.23	Tốt		**3.23**	Giỏi	5,220,000	
342	63	ĐH	ĐTTT	B14DCVT141	Trương Hải	Dương	D14CQVT01-B	3.22	X.sắc		**3.22**	Giỏi	5,220,000	
343	64	ĐH	ĐTTT	B14DCVT550	Trần Thị Kim	Loan	D14CQVT04-B	3.22	X.sắc		**3.22**	Giỏi	5,220,000	
344	65	ĐH	ĐTTT	B15DCVT449	Trần Thị Kim	Tuyến	D15CQVT01-B	3.12	X.sắc	0.10	**3.22**	Giỏi	5,220,000	
345	66	ĐH	ĐTTT	B15DCVT220	Nguyễn Thị	Làn	D15CQVT04-B	3.21	X.sắc		**3.21**	Giỏi	5,220,000	
346	67	ĐH	ĐTTT	B15DCVT260	Tống Sỹ	Minh	D15CQVT04-B	3.21	Tốt		**3.21**	Giỏi	5,220,000	
347	68	ĐH	ĐTTT	B15DCVT232	Vũ Đình	Lộc	D15CQVT08-B	3.21	Tốt		**3.21**	Giỏi	5,220,000	
348	69	ĐH	ĐTTT	B14DCVT185	Vũ Văn	Cường	D14CQVT03-B	3.20	X.sắc		**3.20**	Giỏi	5,220,000	
349	70	ĐH	ĐTTT	B14DCVT619	Đinh Thị Phương	Anh	D14CQVT05-B	3.19	X.sắc		**3.19**	Khá	4,350,000	
350	71	ĐH	ĐTTT	B14DCVT322	Lê Phương	ánh	D14CQVT04-B	3.18	Tốt		**3.18**	Khá	4,350,000	
351	72	ĐH	ĐTTT	B15DCVT363	Nguyễn Mạnh	Thắng	D15CQVT03-B	3.18	X.sắc		**3.18**	Khá	4,350,000	
352	73	ĐH	ĐTTT	B14DCVT244	Lê Hùng	Sơn	D14CQVT02-B	3.17	X.sắc		**3.17**	Khá	4,350,000	

Thứ tự		Hệ	Ngành	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm TBCHT	Xếp loại RL	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	Loại HB KKHT	Học bổng (đ/kỳ)	Ghi chú
353	74	ĐH	ĐTTT	B15DCVT439	Phạm Xuân	Tùng	D15CQVT07-B	3.17	X.sắc		**3.17**	Khá	4,350,000	
354	75	ĐH	ĐTTT	B16DCVT152	Phan Quỳnh	Hương	D16CQVT08-B	3.17	X.sắc		**3.17**	Khá	4,350,000	
355	76	ĐH	ĐTTT	B14DCVT183	Nguyễn Văn	Anh	D14CQVT01-B	3.16	X.sắc		**3.16**	Khá	4,350,000	
356	77	ĐH	ĐTTT	B15DCVT329	Ngô Anh	Quyết	D15CQVT01-B	3.15	X.sắc		**3.15**	Khá	4,350,000	
357	78	ĐH	ĐTTT	B15DCVT008	Vũ Việt	Anh	D15CQVT08-B	3.15	X.sắc		**3.15**	Khá	4,350,000	
358	79	ĐH	ĐTTT	B16DCVT346	Dương Hoàng	Việt	D16CQVT02-B	3.15	Tốt		**3.15**	Khá	4,350,000	
359	80	ĐH	ĐTTT	B16DCVT216	Nguyễn Văn	Minh	D16CQVT08-B	3.15	Tốt		**3.15**	Khá	4,350,000	
360	81	ĐH	ĐTTT	B16DCVT320	Ngô Như Thành	Trung	D16CQVT08-B	3.15	X.sắc		**3.15**	Khá	4,350,000	
361	82	ĐH	ĐTTT	B17DCVT310	Tăng Văn	Sơn	D17CQVT06-B	3.05	X.sắc	0.10	**3.15**	Khá	4,350,000	
362	83	ĐH	ĐTTT	B16DCVT126	Vũ Huy	Hiệu	D16CQVT06-B	3.14	X.sắc		**3.14**	Khá	4,350,000	
363	84	ĐH	ĐTTT	B14DCVT096	Nguyễn Lưu	Khu	D14CQVT01-B	3.13	Tốt		**3.13**	Khá	4,350,000	
364	85	ĐH	ĐTTT	B14DCVT080	Nguyễn Huy	Khánh	D14CQVT03-B	3.13	X.sắc		**3.13**	Khá	4,350,000	
365	86	ĐH	ĐTTT	B15DCVT212	Phạm Minh	Khuê	D15CQVT04-B	3.13	Tốt		**3.13**	Khá	4,350,000	
366	87	ĐH	ĐTTT	B15DCVT284	Hoàng Anh	Ngọc	D15CQVT04-B	3.03	X.sắc	0.10	**3.13**	Khá	4,350,000	
367	88	ĐH	ĐTTT	B15DCVT032	Trần Thị	Biển	D15CQVT08-B	3.13	Tốt		**3.13**	Khá	4,350,000	
368	89	ĐH	ĐTTT	B14DCVT169	Ngô Thị Thanh	Duyên	D14CQVT02-B	3.12	X.sắc		**3.12**	Khá	4,350,000	
369	90	ĐH	ĐTTT	B15DCVT323	Phạm Văn	Quang	D15CQVT03-B	3.12	X.sắc		**3.12**	Khá	4,350,000	
370	91	ĐH	ĐTTT	B15DCVT108	Nguyễn Thị Hằng	Duy	D15CQVT04-B	3.12	X.sắc		**3.12**	Khá	4,350,000	
371	92	ĐH	ĐTTT	B15DCVT224	Nguyễn Thị	Linh	D15CQVT08-B	3.12	Tốt		**3.12**	Khá	4,350,000	
372	93	ĐH	ĐTTT	B15DCVT400	Vũ Hồng	Tiến	D15CQVT08-B	3.12	X.sắc		**3.12**	Khá	4,350,000	
373	94	ĐH	ĐTTT	B16DCVT090	Trương Tuấn	Dương	D16CQVT02-B	3.12	Tốt		**3.12**	Khá	4,350,000	
374	95	ĐH	ĐTTT	B16DCVT188	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	D16CQVT04-B	3.12	Tốt		**3.12**	Khá	4,350,000	
375	96	ĐH	ĐTTT	B16DCVT166	Lưu Phương	Huyền	D16CQVT06-B	3.12	X.sắc		**3.12**	Khá	4,350,000	
376	97	ĐH	ĐTTT	B14DCVT103	Nguyễn Thị	Huệ	D14CQVT02-B	3.11	X.sắc		**3.11**	Khá	4,350,000	
377	98	ĐH	ĐTTT	B14DCVT233	Hoàng Chí	Công	D14CQVT03-B	3.11	X.sắc		**3.11**	Khá	4,350,000	
378	99	ĐH	ĐTTT	B14DCVT534	Vũ Văn	Mạnh	D14CQVT04-B	3.11	X.sắc		**3.11**	Khá	4,350,000	
379	100	ĐH	ĐTTT	B14DCVT049	Phạm Thị	Oanh	D14CQVT06-B	3.11	Tốt		**3.11**	Khá	4,350,000	
380	101	ĐH	ĐTTT	B15DCVT178	Đoàn Viết	Hùng	D15CQVT02-B	3.00	X.sắc	0.10	**3.10**	Khá	4,350,000	
381	102	ĐH	ĐTTT	B15DCVT256	Nguyễn Tiến	Minh	D15CQVT08-B	3.00	Tốt	0.10	**3.10**	Khá	4,350,000	
382	103	ĐH	ĐTTT	B14DCVT201	Trịnh Xuân	Chánh	D14CQVT01-B	3.08	Tốt		**3.08**	Khá	4,350,000	
383	104	ĐH	ĐTTT	B14DCVT102	Nguyễn Thị	Huế	D14CQVT01-B	3.08	X.sắc		**3.08**	Khá	4,350,000	
384	105	ĐH	ĐTTT	B14DCVT066	Trương Thị Phương	Huế	D14CQVT01-B	3.08	X.sắc		**3.08**	Khá	4,350,000	
385	106	ĐH	ĐTTT	B14DCVT181	Nguyễn Thị	Tươi	D14CQVT02-B	3.08	X.sắc		**3.08**	Khá	4,350,000	

Thứ tự		Hệ	Ngành	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm TBCHT	Xếp loại RL	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	Loại HB KKHT	Học bổng (đ/kỳ)	Ghi chú
386	107	ĐH	ĐTTT	B14DCVT607	Trần Mạnh	Toàn	D14CQVT05-B	3.08	X.sắc		**3.08**	Khá	4,350,000	
387	108	ĐH	ĐTTT	B15DCVT133	Hà Thị	Hằng	D15CQVT05-B	2.98	X.sắc	0.10	**3.08**	Khá	4,350,000	
388	109	ĐH	ĐTTT	B16DCVT277	Lại Thị	Thanh	D16CQVT05-B	3.07	X.sắc		**3.07**	Khá	4,350,000	
389	110	ĐH	ĐTTT	B14DCVT048	Nguyễn Công Nhật	Anh	D14CQVT06-B	3.06	X.sắc		**3.06**	Khá	4,350,000	
390	111	ĐH	ĐTTT	B15DCVT296	Đỗ Thị Tú	Oanh	D15CQVT08-B	3.06	Tốt		**3.06**	Khá	4,350,000	
391	112	ĐH	ĐTTT	B16DCVT096	Hà Xuân	Giang	D16CQVT08-B	2.95	Tốt	0.10	**3.05**	Khá	4,350,000	
392	113	ĐH	ĐTTT	B16DCVT792	Nguyễn Việt	Dũng	B16CQVT03-B	3.04	X.sắc		**3.04**	Khá	4,350,000	
393	114	ĐH	ĐTTT	B15DCVT164	Đào Quang	Hòa	D15CQVT04-B	3.04	Tốt		**3.04**	Khá	4,350,000	
394	115	ĐH	ĐTTT	B14DCVT129	Nguyễn Thị	Hường	D14CQVT01-B	3.03	X.sắc		**3.03**	Khá	4,350,000	
395	116	ĐH	ĐTTT	B14DCVT171	Nguyễn Ngọc	Quí	D14CQVT01-B	3.03	Tốt		**3.03**	Khá	4,350,000	
396	117	ĐH	ĐTTT	B14DCVT190	Vũ Tuấn	Anh	D14CQVT02-B	3.03	Tốt		**3.03**	Khá	4,350,000	
397	118	ĐH	ĐTTT	B16DCVT215	Nguyễn Văn	Minh	D16CQVT07-B	3.03	X.sắc		**3.03**	Khá	4,350,000	
398	119	ĐH	ĐTTT	B16DCVT256	Hồ Viết	San	D16CQVT08-B	3.03	Tốt		**3.03**	Khá	4,350,000	
399	120	ĐH	ĐTTT	B16DCVT026	Nguyễn Công Lê	Bảo	D16CQVT02-B	3.02	Tốt		**3.02**	Khá	4,350,000	
400	121	ĐH	ĐTTT	B14DCVT007	Nguyễn Kiều	Oanh	D14CQVT06-B	3.01	Tốt		**3.01**	Khá	4,350,000	
401	122	ĐH	ĐTTT	B15DCVT063	Ngô Văn	Đạt	D15CQVT07-B	3.01	X.sắc		**3.01**	Khá	4,350,000	
402	123	ĐH	ĐTTT	B14DCVT126	Đặng Văn	Hoàng	D14CQVT01-B	3.00	X.sắc		**3.00**	Khá	4,350,000	
403	124	ĐH	ĐTTT	B15DCVT195	Nguyễn Văn	Huy	D15CQVT03-B	3.00	Tốt		**3.00**	Khá	4,350,000	
404	125	ĐH	ĐTTT	B15DCVT373	Nguyễn Văn	Thành	D15CQVT05-B	3.00	X.sắc		**3.00**	Khá	4,350,000	
405	126	ĐH	ĐTTT	B16DCVT115	Hoàng Đức	Hiếu	D16CQVT03-B	3.00	X.sắc		**3.00**	Khá	4,350,000	
406	127	ĐH	ĐTTT	B15DCVT431	Nguyễn Khắc	Tuấn	D15CQVT07-B	2.89	X.sắc	0.10	**2.99**	Khá	4,350,000	
407	128	ĐH	ĐTTT	B14DCVT682	Nguyễn Danh	Tuấn	D14CQVT04-B	2.98	Tốt		**2.98**	Khá	4,350,000	
408	129	ĐH	ĐTTT	B15DCVT290	Nguyễn Văn	Nhất	D15CQVT02-B	2.88	X.sắc	0.10	**2.98**	Khá	4,350,000	
409	130	ĐH	ĐTTT	B16DCVT250	Lê Ngọc	Quân	D16CQVT02-B	2.98	Tốt		**2.98**	Khá	4,350,000	
410	131	ĐH	ĐTTT	B14DCVT154	Nguyễn Thị	Uyên	D14CQVT02-B	2.97	X.sắc		**2.97**	Khá	4,350,000	
411	132	ĐH	ĐTTT	B14DCVT200	Nguyễn Thị	Dung	D14CQVT03-B	2.97	X.sắc		**2.97**	Khá	4,350,000	
412	133	ĐH	ĐTTT	B14DCVT336	Vũ Văn	Nam	D14CQVT04-B	2.97	Tốt		**2.97**	Khá	4,350,000	
413	134	ĐH	ĐTTT	B14DCVT031	Hoàng Đức	Nam	D14CQVT06-B	2.97	X.sắc		**2.97**	Khá	4,350,000	
414	135	ĐH	ĐTTT	B15DCVT283	Trần Thị Yến	Ngọc	D15CQVT03-B	2.97	X.sắc		**2.97**	Khá	4,350,000	
415	136	ĐH	ĐTTT	B15DCVT190	Phạm Thị	Hương	D15CQVT06-B	2.97	X.sắc		**2.97**	Khá	4,350,000	
416	137	ĐH	ĐTTT	B14DCVT019	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	D14CQVT06-B	2.96	Tốt		**2.96**	Khá	4,350,000	
417	138	ĐH	ĐTTT	B15DCVT114	Phạm Thị	Duyên	D15CQVT02-B	2.85	Tốt	0.10	**2.95**	Khá	4,350,000	
418	139	ĐH	ĐTTT	B15DCVT318	Đoàn Văn	Quân	D15CQVT06-B	2.95	X.sắc		**2.95**	Khá	4,350,000	

Thứ tự		Hệ	Ngành	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm TBCHT	Xếp loại RL	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	Loại HB KKHT	Học bổng (đ/kỳ)	Ghi chú
419	140	ĐH	ĐTTT	B16DCVT057	Tô Minh	Diệp	D16CQVT01-B	2.95	Tốt		**2.95**	Khá	4,350,000	
420	141	ĐH	ĐTTT	B16DCVT193	Hoàng Đình	Long	D16CQVT01-B	2.95	Tốt		**2.95**	Khá	4,350,000	
421	142	ĐH	ĐTTT	B16DCVT064	Lê Nhân	Đông	D16CQVT08-B	2.95	Tốt		**2.95**	Khá	4,350,000	
422	143	ĐH	ĐTTT	B17DCVT256	Trần Hải	Nam	D17CQVT08-B	2.85	X.sắc	0.10	**2.95**	Khá	4,350,000	
423	144	ĐH	ĐTTT	B14DCVT109	Nguyễn Thị	Hương	D14CQVT02-B	2.94	Tốt		**2.94**	Khá	4,350,000	
424	145	ĐH	ĐTTT	B14DCVT265	Hoàng Thị	Thi	D14CQVT02-B	2.94	Tốt		**2.94**	Khá	4,350,000	
425	146	ĐH	ĐTTT	B14DCVT332	Đặng Quốc	Tuấn	D14CQVT04-B	2.94	Tốt		**2.94**	Khá	4,350,000	
426	147	ĐH	ĐTTT	B14DCVT051	Nguyễn Minh	Quang	D14CQVT06-B	2.94	Tốt		**2.94**	Khá	4,350,000	
427	148	ĐH	ĐTTT	B14DCVT034	Vũ Quỳnh	Anh	D14CQVT06-B	2.83	X.sắc	0.10	**2.93**	Khá	4,350,000	
428	149	ĐH	ĐTTT	B14DCVT139	Nguyễn Thị Thu	Hương	D14CQVT02-B	2.92	X.sắc		**2.92**	Khá	4,350,000	
429	150	ĐH	ĐTTT	B14DCVT248	Đinh Văn	Lâm	D14CQVT03-B	2.92	X.sắc		**2.92**	Khá	4,350,000	
430	151	ĐH	ĐTTT	B14DCVT502	Nguyễn Văn	Khuê	D14CQVT04-B	2.92	Tốt		**2.92**	Khá	4,350,000	
431	152	ĐH	ĐTTT	B16DCVT086	Hồ Nghĩa	Dương	D16CQVT06-B	2.92	X.sắc		**2.92**	Khá	4,350,000	
432	153	ĐH	ĐTTT	B16DCVT080	Ngọc Văn	Dũng	D16CQVT08-B	2.92	Tốt		**2.92**	Khá	4,350,000	
433	154	ĐH	ĐTTT	B16DCVT168	Cao Thái	Khải	D16CQVT08-B	2.92	Tốt		**2.92**	Khá	4,350,000	
434	155	ĐH	ĐTTT	B16DCVT224	Vũ Hoài	Nam	D16CQVT08-B	2.92	Tốt		**2.92**	Khá	4,350,000	
Công nghệ ĐPT														
435	1	ĐH	CNĐPT	B14DCPT096	Phạm Minh	Hằng	D14TTDPT2	3.67	X.sắc	0.10	**3.77**	Xuất sắc	6,525,000	
436	2	ĐH	CNĐPT	B14DCPT002	Nguyễn Minh	Quang	D14PTDPT	3.74	X.sắc		**3.74**	Xuất sắc	6,525,000	
437	3	ĐH	CNĐPT	B14DCPT127	Ngô Đăng	Trường	D14PTDPT	3.72	Tốt		**3.72**	Giỏi	5,220,000	
438	4	ĐH	CNĐPT	B14DCPT334	Nguyễn Phương	Anh	D14TKDPT2	3.71	X.sắc		**3.71**	Xuất sắc	6,525,000	
439	5	ĐH	CNĐPT	B14DCPT368	Lê Ngọc	Lam	D14TTDPT2	3.70	X.sắc		**3.70**	Xuất sắc	6,525,000	
440	6	ĐH	CNĐPT	B14DCPT089	Lương Thị	Thuận	D14TTDPT1	3.58	X.sắc	0.10	**3.68**	Xuất sắc	6,525,000	
441	7	ĐH	CNĐPT	B14DCPT354	Vũ Thanh	Hằng	D14TTDPT2	3.67	X.sắc		**3.67**	Xuất sắc	6,525,000	
442	8	ĐH	CNĐPT	B14DCPT240	Nguyễn Thị	Hạnh	D14TTDPT2	3.65	X.sắc		**3.65**	Xuất sắc	6,525,000	
443	9	ĐH	CNĐPT	B14DCPT366	Nguyễn Thu	Trang	D14TTDPT2	3.65	X.sắc		**3.65**	Xuất sắc	6,525,000	
444	10	ĐH	CNĐPT	B14DCPT041	Tống Văn	Hiệp	D14TKDPT1	3.64	X.sắc		**3.64**	Xuất sắc	6,525,000	
445	11	ĐH	CNĐPT	B14DCPT040	Bùi Trung	Trạch	D14TKDPT2	3.64	X.sắc		**3.64**	Xuất sắc	6,525,000	
446	12	ĐH	CNĐPT	B15DCPT177	Nguyễn Bá	Ninh	D15TKDPT2	3.64	Tốt		**3.64**	Giỏi	5,220,000	
447	13	ĐH	CNĐPT	B14DCPT054	Đào Thị Hải	Yến	D14TKDPT1	3.61	X.sắc		**3.61**	Xuất sắc	6,525,000	
448	14	ĐH	CNĐPT	B14DCPT208	Nguyễn Thị Hương	Liên	D14TKDPT2	3.61	X.sắc		**3.61**	Xuất sắc	6,525,000	
449	15	ĐH	CNĐPT	B14DCPT126	Bùi Thị Quỳnh	Trang	D14TTDPT1	3.61	X.sắc		**3.61**	Xuất sắc	6,525,000	
450	16	ĐH	CNĐPT	B14DCPT466	Đặng Thị	Bắc	D14TTDPT2	3.49	X.sắc	0.10	**3.59**	Giỏi	5,220,000	

Thứ tự		Hệ	Ngành	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm TBCHT	Xếp loại RL	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	Loại HB KKHT	Học bổng (đ/kỳ)	Ghi chú
451	17	ĐH	CNĐPT	B14DCPT324	Nguyễn Thùy	Tiên	D14TKDPT2	3.58	X.sắc		**3.58**	Giỏi	5,220,000	
452	18	ĐH	CNĐPT	B14DCPT459	Cao Thị Thu	Hà	D14TTDPT2	3.58	X.sắc		**3.58**	Giỏi	5,220,000	
453	19	ĐH	CNĐPT	B14DCPT419	Nguyễn Thị	Hoa	D14TTDPT2	3.58	X.sắc		**3.58**	Giỏi	5,220,000	
454	20	ĐH	CNĐPT	B14DCPT302	Hỏa Đức	Hưng	D14PTDPT	3.55	Tốt		**3.55**	Giỏi	5,220,000	
455	21	ĐH	CNĐPT	B15DCPT051	Đào Khánh	Duy	D15TKDPT1	3.44	Tốt	0.10	**3.54**	Giỏi	5,220,000	
456	22	ĐH	CNĐPT	B15DCPT047	Lê Anh	Đức	D15TKDPT2	3.43	X.sắc	0.10	**3.53**	Giỏi	5,220,000	
457	23	ĐH	CNĐPT	B14DCPT174	Phan Thị Phương	Thảo	D14TKDPT1	3.51	X.sắc		**3.51**	Giỏi	5,220,000	
458	24	ĐH	CNĐPT	B14DCPT099	Nguyễn Thu	Thảo	D14TTDPT1	3.51	X.sắc		**3.51**	Giỏi	5,220,000	
459	25	ĐH	CNĐPT	B15DCPT182	Trịnh Thị	Phượng	D15TKDPT2	3.41	X.sắc	0.10	**3.51**	Giỏi	5,220,000	
460	26	ĐH	CNĐPT	B14DCPT125	Nguyễn Diệu	Linh	D14TKDPT1	3.50	X.sắc		**3.50**	Giỏi	5,220,000	
461	27	ĐH	CNĐPT	B14DCPT065	Vũ Minh	Yến	D14TKDPT1	3.49	Tốt		**3.49**	Giỏi	5,220,000	
462	28	ĐH	CNĐPT	B14DCPT460	Trần Thị Thu	Hằng	D14TTDPT2	3.49	X.sắc		**3.49**	Giỏi	5,220,000	
463	29	ĐH	CNĐPT	B14DCPT359	Đỗ Thị	Hồng	D14TTDPT2	3.49	X.sắc		**3.49**	Giỏi	5,220,000	
464	30	ĐH	CNĐPT	B14DCPT104	Nguyễn Lê	Minh	D14TTDPT2	3.49	X.sắc		**3.49**	Giỏi	5,220,000	
465	31	ĐH	CNĐPT	B15DCPT054	Trần Thị Hồng	Duyên	D15TKDPT3	3.49	X.sắc		**3.49**	Giỏi	5,220,000	
466	32	ĐH	CNĐPT	B14DCPT148	Phan Đức	Hùng	D14TTDPT2	3.48	Tốt		**3.48**	Giỏi	5,220,000	
467	33	ĐH	CNĐPT	B14DCPT423	Đoàn Thị Vân	Anh	D14TTDPT2	3.47	X.sắc		**3.47**	Giỏi	5,220,000	
468	34	ĐH	CNĐPT	B14DCPT050	Nguyễn Thị Phương	Anh	D14TTDPT1	3.36	X.sắc	0.10	**3.46**	Giỏi	5,220,000	
469	35	ĐH	CNĐPT	B14DCPT377	Mai Thị	Tâm	D14TTDPT2	3.46	Tốt		**3.46**	Giỏi	5,220,000	
Truyền thông ĐPT														
470	1	ĐH	TTĐPT	B16DCTT007	Trần Nam	Anh	D16CQTT01-B	3.63	X.sắc		**3.63**	Xuất sắc	5,550,000	
471	2	ĐH	TTĐPT	B16DCTT027	Mai Thị	Huế	D16CQTT01-B	3.50	X.sắc	0.10	**3.60**	Xuất sắc	5,550,000	
472	3	ĐH	TTĐPT	B17DCTT014	Phạm Linh	Chi	D17CQTT02-B	3.44	X.sắc	0.10	**3.54**	Giỏi	4,440,000	
473	4	ĐH	TTĐPT	B16DCTT055	Hoàng Phương	Thảo	D16CQTT01-B	3.44	X.sắc		**3.44**	Giỏi	4,440,000	
474	5	ĐH	TTĐPT	B16DCTT004	Nguyễn Thị Kim	Anh	D16CQTT01-B	3.33	X.sắc	0.10	**3.43**	Giỏi	4,440,000	
475	6	ĐH	TTĐPT	B15DCTT006	Đặng Thị Ngọc	Châu	D15CQTT02-B	3.41	X.sắc		**3.41**	Giỏi	4,440,000	
476	7	ĐH	TTĐPT	B15DCTT044	Nguyễn Ngọc	Linh	D15CQTT02-B	3.41	X.sắc		**3.41**	Giỏi	4,440,000	
477	8	ĐH	TTĐPT	B17DCTT105	Nguyễn Thị	Yến	D17CQTT01-B	3.31	X.sắc	0.10	**3.41**	Giỏi	4,440,000	
478	9	ĐH	TTĐPT	B15DCTT028	Trần Minh	Hòa	D15CQTT02-B	3.40	X.sắc		**3.40**	Giỏi	4,440,000	
479	10	ĐH	TTĐPT	B17DCTT068	Đinh Quốc	Quân	D17CQTT02-B	3.30	X.sắc	0.10	**3.40**	Giỏi	4,440,000	
480	11	ĐH	TTĐPT	B16DCTT058	Tạ Vũ Anh	Thư	D16CQTT01-B	3.29	Tốt	0.10	**3.39**	Giỏi	4,440,000	
481	12	ĐH	TTĐPT	B15DCTT088	Nguyễn Thị Hải	Yến	D15CQTT02-B	3.37	X.sắc		**3.37**	Giỏi	4,440,000	
482	13	ĐH	TTĐPT	B16DCTT054	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	D16CQTT01-B	3.27	X.sắc	0.10	**3.37**	Giỏi	4,440,000	

Thứ tự		Hệ	Ngành	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm TBCHT	Xếp loại RL	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	Loại HB KKHT	Học bổng (đ/kỳ)	Ghi chú
483	14	ĐH	TTĐPT	B15DCTT067	Nguyễn Đức	Thái (quố	D15CQTT01-B	3.35	X.sắc		**3.35**	Giỏi	4,440,000	
484	15	ĐH	TTĐPT	B15DCTT085	Hoàng Thị	Uyên	D15CQTT01-B	3.35	Tốt		**3.35**	Giỏi	4,440,000	
485	16	ĐH	TTĐPT	B15DCTT080	Nguyễn Minh	Tú	D15CQTT02-B	3.25	X.sắc	0.10	**3.35**	Giỏi	4,440,000	
486	17	ĐH	TTĐPT	B17DCTT058	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	D17CQTT02-B	3.33	Tốt		**3.33**	Giỏi	4,440,000	
487	18	ĐH	TTĐPT	B15DCTT056	Phạm Thị Hàn	Nhi	D15CQTT02-B	3.32	X.sắc		**3.32**	Giỏi	4,440,000	
488	19	ĐH	TTĐPT	B15DCTT057	Lê Thị Thùy	Ninh	D15CQTT01-B	3.21	Tốt	0.10	**3.31**	Giỏi	4,440,000	
489	20	ĐH	TTĐPT	B15DCTT087	Nguyễn Thị Hải	Yến	D15CQTT01-B	3.21	Tốt	0.10	**3.31**	Giỏi	4,440,000	
490	21	ĐH	TTĐPT	B16DCTT026	Lê Thị Minh	Huế	D16CQTT01-B	3.21	X.sắc	0.10	**3.31**	Giỏi	4,440,000	
491	22	ĐH	TTĐPT	B15DCTT036	Bùi Thị	Hương	D15CQTT02-B	3.29	X.sắc		**3.29**	Giỏi	4,440,000	
492	23	ĐH	TTĐPT	B15DCTT078	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	D15CQTT02-B	3.29	X.sắc		**3.29**	Giỏi	4,440,000	
Quản trị kinh doanh														
493	1	ĐH	QTKD	B15DCQT102	Đặng Thị Bích	Lệ	D15CQQT02-B	3.38	Tốt		**3.38**	Giỏi	4,440,000	
494	2	ĐH	QTKD	B15DCQT166	Đặng Thanh	Thư	D15CQQT02-B	3.29	Tốt		**3.29**	Giỏi	4,440,000	
495	3	ĐH	QTKD	B15DCQT037	Đặng Thị	Giang	D15CQQT01-B	3.18	Tốt	0.10	**3.28**	Giỏi	4,440,000	
496	4	ĐH	QTKD	B15DCQT068	Phạm Hữu	Hoan	D15CQQT04-B	3.28	X.sắc		**3.28**	Giỏi	4,440,000	
497	5	ĐH	QTKD	B15DCQT093	Trần Thị Thanh	Huyền	D15CQQT01-B	3.25	Tốt		**3.25**	Giỏi	4,440,000	
498	6	ĐH	QTKD	B15DCQT078	Phạm Thị	Huệ	D15CQQT02-B	3.25	Tốt		**3.25**	Giỏi	4,440,000	
499	7	ĐH	QTKD	B15DCQT033	Vũ Thị Thùy	Dương	D15CQQT01-B	3.23	X.sắc		**3.23**	Giỏi	4,440,000	
500	8	ĐH	QTKD	B17DCQT038	Nguyễn Thu	Hà	D17CQQT02-B	3.13	Tốt	0.10	**3.23**	Giỏi	4,440,000	
501	9	ĐH	QTKD	B15DCQT115	Dương Thị Khánh	Ly	D15CQQT03-B	3.18	Tốt		**3.18**	Khá	3,700,000	
502	10	ĐH	QTKD	B16DCQT084	Nguyễn Thùy	Linh	D16CQQT04-B	3.17	X.sắc		**3.17**	Khá	3,700,000	
503	11	ĐH	QTKD	B15DCQT159	Đinh Thị	Thảo	D15CQQT03-B	3.16	Tốt		**3.16**	Khá	3,700,000	
504	12	ĐH	QTKD	B15DCQT100	Trịnh Thị	Lan	D15CQQT04-B	3.16	X.sắc		**3.16**	Khá	3,700,000	
505	13	ĐH	QTKD	B15DCQT124	Lê Thị	Ngân	D15CQQT04-B	3.13	X.sắc		**3.13**	Khá	3,700,000	
506	14	ĐH	QTKD	B15DCQT027	Nguyễn Thị	Dịu	D15CQQT03-B	3.02	Tốt	0.10	**3.12**	Khá	3,700,000	
507	15	ĐH	QTKD	B15DCQT049	Nguyễn Thị	Hạnh	D15CQQT01-B	3.11	Tốt		**3.11**	Khá	3,700,000	
508	16	ĐH	QTKD	B15DCQT145	Đỗ Tiến	Sơn	D15CQQT01-B	3.01	Tốt	0.10	**3.11**	Khá	3,700,000	
509	17	ĐH	QTKD	B15DCQT158	Lê Thu	Thảo	D15CQQT02-B	3.00	Tốt	0.10	**3.10**	Khá	3,700,000	
510	18	ĐH	QTKD	B15DCQT200	Vi Thị	Vịnh	D15CQQT04-B	3.10	Khá		**3.10**	Khá	3,700,000	
511	19	ĐH	QTKD	B15DCQT015	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	D15CQQT03-B	2.95	Tốt	0.10	**3.05**	Khá	3,700,000	
512	20	ĐH	QTKD	B16DCQT136	Phùng Minh	Thương	D16CQQT04-B	2.95	Tốt	0.10	**3.05**	Khá	3,700,000	
513	21	ĐH	QTKD	B15DCQT177	Đoàn Thị	Trang	D15CQQT01-B	2.92	Tốt	0.10	**3.02**	Khá	3,700,000	
514	22	ĐH	QTKD	B15DCQT007	Kim Tuấn	Anh	D15CQQT03-B	3.01	Tốt		**3.01**	Khá	3,700,000	

Thứ tự		Hệ	Ngành	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm TBCHT	Xếp loại RL	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	Loại HB KKHT	Học bổng (đ/kỳ)	Ghi chú
515	23	ĐH	QTKD	B15DCQT178	Nguyễn Doãn Thị	Trang	D15CQQT02-B	3.00	Tốt		**3.00**	Khá	3,700,000	
516	24	ĐH	QTKD	B17DCQT037	Nguyễn Thị Thu	Hà	D17CQQT01-B	2.90	Tốt	0.10	**3.00**	Khá	3,700,000	
517	25	ĐH	QTKD	B15DCQT063	Vương Thị Hồng	Hoa	D15CQQT03-B	2.97	Tốt		**2.97**	Khá	3,700,000	
518	26	ĐH	QTKD	B15DCQT170	Khổng Thị Minh	Thùy	D15CQQT02-B	2.86	Tốt	0.10	**2.96**	Khá	3,700,000	
519	27	ĐH	QTKD	B15DCQT043	Nguyễn Thị	Hải	D15CQQT03-B	2.95	Tốt		**2.95**	Khá	3,700,000	
520	28	ĐH	QTKD	B17DCQT135	Vũ Xuân	Quỳnh	D17CQQT03-B	2.94	X.sắc		**2.94**	Khá	3,700,000	
521	29	ĐH	QTKD	B15DCQT113	Lê Văn	Long	D15CQQT01-B	2.82	Tốt	0.10	**2.92**	Khá	3,700,000	
522	30	ĐH	QTKD	B15DCQT071	Nguyễn Tín	Hoàng	D15CQQT03-B	2.90	Tốt		**2.90**	Khá	3,700,000	
523	31	ĐH	QTKD	B15DCQT041	Nguyễn Thị Thu	Hà	D15CQQT01-B	2.89	Tốt		**2.89**	Khá	3,700,000	
524	32	ĐH	QTKD	B15DCQT095	Nguyễn Thị Thu	Huyền	D15CQQT03-B	2.79	Tốt	0.10	**2.89**	Khá	3,700,000	
525	33	ĐH	QTKD	B15DCQT168	Nguyễn Thị	Thương	D15CQQT04-B	2.89	X.sắc		**2.89**	Khá	3,700,000	
526	34	ĐH	QTKD	B15DCQT176	Lê Thị	Trang	D15CQQT04-B	2.89	Tốt		**2.89**	Khá	3,700,000	
527	35	ĐH	QTKD	B15DCQT132	Bùi Hồng	Nhung	D15CQQT04-B	2.88	X.sắc		**2.88**	Khá	3,700,000	
528	36	ĐH	QTKD	B16DCQT069	Nguyễn Thị Lan	Hương	D16CQQT01-B	2.78	Tốt	0.10	**2.88**	Khá	3,700,000	
529	37	ĐH	QTKD	B15DCQT087	Phạm Thu	Hương	D15CQQT03-B	2.87	Tốt		**2.87**	Khá	3,700,000	
530	38	ĐH	QTKD	B17DCQT009	Trần Thị	Anh	D17CQQT01-B	2.87	Tốt		**2.87**	Khá	3,700,000	
531	39	ĐH	QTKD	B15DCQT066	Lê Thị	Hòa	D15CQQT02-B	2.85	Tốt		**2.85**	Khá	3,700,000	
532	40	ĐH	QTKD	B15DCQT208	Đàm Thị Hải	Yến	D15CQQT04-B	2.84	Tốt		**2.84**	Khá	3,700,000	
533	41	ĐH	QTKD	B16DCQT061	Chu Thị	Huệ	D16CQQT01-B	2.84	X.sắc		**2.84**	Khá	3,700,000	
534	42	ĐH	QTKD	B15DCQT010	Nguyễn Quỳnh	Anh	D15CQQT02-B	2.82	Tốt		**2.82**	Khá	3,700,000	
535	43	ĐH	QTKD	B15DCQT031	Trần Hoàng	Dũng	D15CQQT03-B	2.82	Tốt		**2.82**	Khá	3,700,000	
536	44	ĐH	QTKD	B15DCQT088	Bùi Thị Lan	Hương	D15CQQT04-B	2.82	X.sắc		**2.82**	Khá	3,700,000	
537	45	ĐH	QTKD	B17DCQT041	Nguyễn Thị	Hải	D17CQQT01-B	2.81	X.sắc		**2.81**	Khá	3,700,000	
538	46	ĐH	QTKD	B17DCQT078	Phạm Thị	Lệ	D17CQQT02-B	2.81	Tốt		**2.81**	Khá	3,700,000	
Kế toán														
539	1	ĐH	KT	B15DCKT139	Bùi Nguyễn Quỳnh	Phương	D15CQKT03-B	3.37	X.sắc		**3.37**	Giỏi	4,440,000	
540	2	ĐH	KT	B15DCKT108	Phan Thị	Mai	D15CQKT04-B	3.32	Tốt		**3.32**	Giỏi	4,440,000	
541	3	ĐH	KT	B15DCKT109	Nguyễn Thị	Minh	D15CQKT01-B	3.22	X.sắc		**3.22**	Giỏi	4,440,000	
542	4	ĐH	KT	B15DCKT103	Trương Thị Tuyết	Mai	D15CQKT03-B	3.21	Tốt		**3.21**	Giỏi	4,440,000	
543	5	ĐH	KT	B15DCKT060	Nguyễn Thị	Hòa	D15CQKT04-B	3.21	Tốt		**3.21**	Giỏi	4,440,000	
544	6	ĐH	KT	B15DCKT027	Nguyễn Văn	Đức	D15CQKT03-B	3.15	X.sắc		**3.15**	Khá	3,700,000	
545	7	ĐH	KT	B15DCKT143	Lương Thị	Phượng	D15CQKT03-B	3.15	X.sắc		**3.15**	Khá	3,700,000	
546	8	ĐH	KT	B16DCKT021	Trần ánh	Dương	D16CQKT01-B	3.15	Tốt		**3.15**	Khá	3,700,000	

Thứ tự		Hệ	Ngành	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm TBCHT	Xếp loại RL	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	Loại HB KKHT	Học bổng (đ/kỳ)	Ghi chú
547	9	ĐH	KT	B15DCKT056	Nguyễn Thị Phương	Hoa	D15CQKT04-B	3.13	X.sắc		**3.13**	Khá	3,700,000	
548	10	ĐH	KT	B17DCKT054	Trần Thị	Hòa	D17CQKT02-B	3.03	X.sắc	0.10	**3.13**	Khá	3,700,000	
549	11	ĐH	KT	B17DCKT052	Lâm Thị	Hòa	D17CQKT04-B	3.10	X.sắc		**3.10**	Khá	3,700,000	
550	12	ĐH	KT	B15DCKT194	Nguyễn Thị	Trinh	D15CQKT02-B	3.09	X.sắc		**3.09**	Khá	3,700,000	
551	13	ĐH	KT	B17DCKT102	Nguyễn Thị	Mai	D17CQKT02-B	3.04	X.sắc		**3.04**	Khá	3,700,000	
552	14	ĐH	KT	B15DCKT069	Ngô Quỳnh	Hương	D15CQKT01-B	3.03	X.sắc		**3.03**	Khá	3,700,000	
553	15	ĐH	KT	B15DCKT001	Triệu Phương	An	D15CQKT01-B	3.02	X.sắc		**3.02**	Khá	3,700,000	
554	16	ĐH	KT	B17DCKT079	Nguyễn Thị Hương	Liên	D17CQKT03-B	3.00	X.sắc		**3.00**	Khá	3,700,000	
555	17	ĐH	KT	B15DCKT135	Vũ Thị Tú	Oanh	D15CQKT03-B	2.99	Tốt		**2.99**	Khá	3,700,000	
556	18	ĐH	KT	B17DCKT027	Nguyễn ánh	Dương	D17CQKT03-B	2.99	X.sắc		**2.99**	Khá	3,700,000	
557	19	ĐH	KT	B17DCKT157	Nguyễn Hiền	Thư	D17CQKT01-B	2.98	X.sắc		**2.98**	Khá	3,700,000	
558	20	ĐH	KT	B15DCKT185	Trần Thị Ngọc	Trâm	D15CQKT01-B	2.97	X.sắc		**2.97**	Khá	3,700,000	
559	21	ĐH	KT	B17DCKT097	Vũ Thị Thùy	Linh	D17CQKT01-B	2.97	X.sắc		**2.97**	Khá	3,700,000	
560	22	ĐH	KT	B15DCKT134	Phan Thị	Oanh	D15CQKT02-B	2.95	X.sắc		**2.95**	Khá	3,700,000	
561	23	ĐH	KT	B15DCKT095	Vũ Phương	Linh	D15CQKT03-B	2.95	Tốt		**2.95**	Khá	3,700,000	
562	24	ĐH	KT	B17DCKT029	Đinh Quang	Duy	D17CQKT01-B	2.94	X.sắc		**2.94**	Khá	3,700,000	
563	25	ĐH	KT	B17DCKT101	Nguyễn Phương	Mai	D17CQKT01-B	2.94	Tốt		**2.94**	Khá	3,700,000	
564	26	ĐH	KT	B17DCKT047	Phạm Thu	Hiền	D17CQKT03-B	2.94	X.sắc		**2.94**	Khá	3,700,000	
565	27	ĐH	KT	B17DCKT012	Trịnh Vân	Anh	D17CQKT04-B	2.91	X.sắc		**2.91**	Khá	3,700,000	
566	28	ĐH	KT	B16DCKT131	Nguyễn Thị Hoài	Thương	D16CQKT03-B	2.88	Tốt		**2.88**	Khá	3,700,000	
567	29	ĐH	KT	B17DCKT055	Bùi Thị Thu	Hoài	D17CQKT03-B	2.88	X.sắc		**2.88**	Khá	3,700,000	
568	30	ĐH	KT	B15DCKT102	Đỗ Phương	Mai	D15CQKT02-B	2.87	X.sắc		**2.87**	Khá	3,700,000	
569	31	ĐH	KT	B15DCKT036	Nguyễn Thị	Hà	D15CQKT04-B	2.86	Tốt		**2.86**	Khá	3,700,000	
570	32	ĐH	KT	B17DCKT149	Trần Thu	Thảo	D17CQKT01-B	2.85	X.sắc		**2.85**	Khá	3,700,000	
571	33	ĐH	KT	B15DCKT131	Lưu Thị Hồng	Nhung	D15CQKT03-B	2.84	X.sắc		**2.84**	Khá	3,700,000	
572	34	ĐH	KT	B15DCKT073	Nguyễn Thị	Hương	D15CQKT01-B	2.83	X.sắc		**2.83**	Khá	3,700,000	
573	35	ĐH	KT	B16DCKT105	Nguyễn Mai	Như	D16CQKT01-B	2.83	X.sắc		**2.83**	Khá	3,700,000	
574	36	ĐH	KT	B16DCKT102	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	D16CQKT02-B	2.73	X.sắc	0.10	**2.83**	Khá	3,700,000	
575	37	ĐH	KT	B15DCKT191	Bùi Thị	Trang	D15CQKT03-B	2.82	Tốt		**2.82**	Khá	3,700,000	
576	38	ĐH	KT	B15DCKT064	Nguyễn Thị Khánh	Huế	D15CQKT04-B	2.82	Tốt		**2.82**	Khá	3,700,000	
577	39	ĐH	KT	B15DCKT099	Nguyễn Hiền	Lương	D15CQKT03-B	2.81	Tốt		**2.81**	Khá	3,700,000	
578	40	ĐH	KT	B17DCKT103	Nguyễn Thị Hương	Mai	D17CQKT03-B	2.81	X.sắc		**2.81**	Khá	3,700,000	
Marketing														

Thứ tự		Hệ	Ngành	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Điểm TBCHT	Xếp loại RL	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	Loại HB KKHT	Học bổng (đ/kỳ)	Ghi chú
579	1	ĐH	MAR	B15DCMR056	Vũ Thị	Lý	D15CQMR02-B	3.78	X.sắc		**3.78**	Xuất sắc	5,550,000	
580	2	ĐH	MAR	B15DCMR005	Trần Thị Phương	Anh	D15CQMR02-B	3.64	X.sắc	0.10	**3.74**	Xuất sắc	5,550,000	
581	3	ĐH	MAR	B16DCMR041	Lê Bảo	Hưng	D16CQMR01-B	3.42	Tốt	0.10	**3.52**	Giỏi	4,440,000	
582	4	ĐH	MAR	B15DCMR126	Phạm Thị	Uyên	D15CQMR03-B	3.44	X.sắc		**3.44**	Giỏi	4,440,000	
583	5	ĐH	MAR	B17DCMR004	Nguyễn Kiều	Anh	D17CQMR01-B	3.42	X.sắc		**3.42**	Giỏi	4,440,000	
584	6	ĐH	MAR	B15DCMR123	Nguyễn Thị	Tươi	D15CQMR03-B	3.34	X.sắc		**3.34**	Giỏi	4,440,000	
585	7	ĐH	MAR	B17DCMR145	Nguyễn Thị Thu	Trang	D17CQMR01-B	3.29	X.sắc		**3.29**	Giỏi	4,440,000	
586	8	ĐH	MAR	B16DCMR117	Phạm Quân	Vương	D16CQMR01-B	3.18	X.sắc	0.10	**3.28**	Giỏi	4,440,000	
587	9	ĐH	MAR	B15DCMR073	Trần Thị	Nhàn	D15CQMR01-B	3.27	Tốt		**3.27**	Giỏi	4,440,000	
588	10	ĐH	MAR	B15DCMR076	Lê Kiều	Oanh	D15CQMR01-B	3.26	X.sắc		**3.26**	Giỏi	4,440,000	
589	11	ĐH	MAR	B17DCMR114	Phạm Diễm	Quỳnh	D17CQMR03-B	3.26	X.sắc		**3.26**	Giỏi	4,440,000	
590	12	ĐH	MAR	B16DCMR039	Lê Thị	Hòa	D16CQMR01-B	3.15	X.sắc	0.10	**3.25**	Giỏi	4,440,000	
591	13	ĐH	MAR	B15DCMR072	Nguyễn ánh	Nguyệt	D15CQMR03-B	3.12	X.sắc	0.10	**3.22**	Giỏi	4,440,000	
592	14	ĐH	MAR	B15DCMR053	Vũ Thị Phương	Loan	D15CQMR02-B	3.09	Tốt	0.10	**3.19**	Khá	3,700,000	
593	15	ĐH	MAR	B16DCMR079	Trần Minh	Nguyệt	D16CQMR01-B	3.08	X.sắc	0.10	**3.18**	Khá	3,700,000	
594	16	ĐH	MAR	B15DCMR079	Nguyễn Thị Linh	Phương	D15CQMR01-B	3.15	Tốt		**3.15**	Khá	3,700,000	
595	17	ĐH	MAR	B16DCMR011	Nguyễn Thị	Bông	D16CQMR01-B	3.05	X.sắc	0.10	**3.15**	Khá	3,700,000	
596	18	ĐH	MAR	B15DCMR055	Phạm Thị Ngọc	Ly	D15CQMR01-B	3.03	Tốt	0.10	**3.13**	Khá	3,700,000	
597	19	ĐH	MAR	B15DCMR128	Hà Ngọc	Yến	D15CQMR02-B	3.13	X.sắc		**3.13**	Khá	3,700,000	
598	20	ĐH	MAR	B15DCMR111	Nguyễn Thị	Trang	D15CQMR03-B	3.02	Tốt	0.10	**3.12**	Khá	3,700,000	
599	21	ĐH	MAR	B15DCMR097	Đinh Thị	Thảo	D15CQMR01-B	3.09	Tốt		**3.09**	Khá	3,700,000	
600	22	ĐH	MAR	B15DCMR080	Hạ Thị Minh	Phương	D15CQMR02-B	3.08	X.sắc		**3.08**	Khá	3,700,000	
601	23	ĐH	MAR	B15DCMR012	Lê Thị	Châm	D15CQMR03-B	3.05	Tốt		**3.05**	Khá	3,700,000	
602	24	ĐH	MAR	B16DCMR105	Hoàng Huyền	Trang	D16CQMR01-B	3.05	Tốt		**3.05**	Khá	3,700,000	
603	25	ĐH	MAR	B15DCMR040	Nguyễn Thị Thúy	Huyền	D15CQMR01-B	3.00	Tốt		**3.00**	Khá	3,700,000	
604	26	ĐH	MAR	B15DCMR104	Nguyễn Thị Hà	Thương	D15CQMR02-B	3.00	X.sắc		**3.00**	Khá	3,700,000	